

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001-2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH

Sinh viên : Vũ Thị Hà
Người hướng dẫn: TS. Lê Thanh Tùng

HẢI PHÒNG – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**TÌM HIỂU DI TÍCH ĐỀN CÚC BỒ - NINH GIANG –
HẢI DƯƠNG. HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: VĂN HÓA DU LỊCH**

Sinh viên : Vũ Thị Hà
Người hướng dẫn: TS. Lê Thanh Tùng

HẢI PHÒNG – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Vũ Thị Hà.

Mã số: 121115

Lớp: VH1201.

Ngành: Văn hóa du lịch

Tên đề tài: Tìm hiểu di tích đền Cúc Bồ - Ninh Giang – Hải Dương. Hiện trạng và giải pháp.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (*về lý luận, thực tiễn, các số liệu...*).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn :

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

.....
.....
.....
.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 27 tháng 9 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 02 tháng 12 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2012

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHÂN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....

2. Đánh giá chất lượng của đề tài (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày tháng năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

LỜI CẢM ƠN

Nhân dịp hoàn thành bài khóa luận, từ đáy lòng mình em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới bạn bè, người thân, các thầy cô giáo đã và đang giảng dạy tại khoa văn hoá du lịch - trường Đại học dân lập Hải Phòng, phòng văn hoá huyện Ninh Giang, ban quản lý di tích đền Cúc Bồ.

Và đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới thầy giáo – TS. Lê Thanh Tùng, giáo viên hướng dẫn chính cho em hoàn thành bài khóa luận này. Trong thời gian qua, em đã nhận được nhiều sự chỉ bảo góp ý rèn dũa của thầy giáo và thầy luôn quan tâm, khích lệ, kích thích khả năng tư duy, làm việc độc lập, sáng tạo của em.

Em xin bày tỏ lòng cảm ơn sâu sắc.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 10 năm 2012

Sinh viên:

Vũ Thị Hà

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
5. Phương pháp nghiên cứu	3
6. Kết cấu đề tài	4
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ DI TÍCH VÀ DI TÍCH THỜ NHÂN VẬT LỊCH SỬ	5
1.1. Khái niệm di tích	5
1.2. Di tích lịch sử văn hóa	5
1.2.1. Tiêu chuẩn xếp hạng di tích	6
1.3. Vai trò của di tích lịch sử văn hóa	11
1.4. Di tích thờ nhân vật lịch sử	12
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	13
CHƯƠNG 2. HIỆN TRẠNG DI TÍCH ĐỀN CÚC BỒ - NINH GIANG - HẢI DƯƠNG	14
2.1. Khái quát về quê hương anh hùng dân tộc Khúc Thừa Dụ	14
2.1.1. Khái quát chung về làng Cúc Bồ - Ninh Giang – Hải Dương	14
2.1.2. Sự phát triển của làng Cúc Bồ	14
2.2. Họ Khúc với công cuộc khôi phục quyền tự chủ nước Việt thế kỷ X	16
2.2.1. Khúc Thừa Dụ xây dựng nền độc lập từ thế kỷ X	16
2.2.2. Khúc Hạo – Nhà cải cách đầu tiên xây dựng đất nước	20
2.2.3. Khúc Thừa Mỹ - nối nghiệp ông cha	22
2.2.4. Người con gái của vị anh hùng dân tộc Khúc Thừa Dụ	23
2.3. Đền Cúc Bồ những tháng năm	27
2.3.1. Di tích đền Cúc Bồ	29
2.3.1.1. Ba pho tượng thờ tại Đền thờ Khúc Thừa Dụ	30
2.3.1.2. Vị trí của Đền	33
2.3.1.3. Lễ hội	34
2.3.1.4. Di tích đền Cúc Bồ trong lòng khách thập phương	35
2.4. Đánh giá chung về di tích	40
2.4.1. Giá trị lịch sử	40
2.4.2. Giá trị kiến trúc	40
2.4.3. Giá trị nhân văn	41
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	42
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐỊA PHƯƠNG	43
3.1. Giải pháp huy động vốn để phát triển du lịch	43
3.2. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch	43
3.2.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật	43
3.2.2. Cơ sở hạ tầng	45
3.3. Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực	46
3.4. Tăng cường hoạt động tuyên truyền, quảng bá cho di tích	48

3.5. Nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng địa phương.....	49
3.6. Giải pháp tôn tạo và tu bổ di tích	51
3.7. Tăng cường sự quan tâm của các cấp các ngành	53
3.8. Xây dựng các chương trình du lịch cụ thể	54
3.9. Một số kiến nghị khác	56
3.9.1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương:	56
3.9.2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện, chính quyền địa phương và ban quản lý di tích đền Cúc Bồ	58
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3	59
KẾT LUẬN	60
TÀI LIỆU THAM KHẢO	62
PHỤ LỤC	62
Phụ lục 1	63
Phụ lục 2	68
Phụ lục 3	69
Phụ lục 4	71
Phụ lục 5	73

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong tiến trình dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, ở bất kỳ nơi đâu trên đất Việt, chúng ta đều bắt gặp những di tích lịch sử – văn hoá như đình, chùa, đền, miếu, lăng tẩm. Đây là những tài sản vô cùng quý giá của dân tộc mà cha ông ta đã để lại cho hậu thế.

Di tích lịch sử - văn hoá là những trang sử. Có sức thuyết phục lớn đối với mọi thế hệ vì ở đó mang dấu ấn của lịch sử, hơi thở của lịch sử truyền lại cho muôn đời sau. Những di tích lịch sử ấy được coi như những bảo tàng về nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc, trang trí, và những giá trị văn hoá phi vật thể. Gìn giữ những di tích lịch sử - văn hoá không chỉ đơn thuần là giữ những thành quả vật chất của ông cha để lại, mà hơn thế là biết tiếp tục kế thừa và phát huy sáng tạo những giá trị văn hoá mới, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

Tìm hiểu về di tích lịch sử – văn hoá là tìm về cội nguồn của dân tộc để kế thừa và phát huy, góp phần làm đẹp thêm truyền thống văn hoá. Những di tích ấy sẽ trở nên có ý nghĩa hơn nếu chúng ta đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu, phân tích từng lớp văn hoá chứa đựng trong nó để góp phần hiểu sâu hơn về cội nguồn dân tộc để giữ gìn, bảo tồn những tinh hoa văn hoá, truyền thống đạo đức, góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Từ đó kết hợp hài hoà giữa quá khứ, hiện tại và hướng tới tương lai.

Trải qua bao nhiêu thế hệ, với những biến cố thăng trầm của lịch sử và xã hội, đã khiến cho nhiều di tích lịch sử – văn hoá quý giá bị huỷ hoại dưới bàn tay vô tình hay hữu ý của con người, thêm vào đó là sự khắc nghiệt của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và chiến tranh đã tàn phá nặng nề khiến cho nhiều di tích lịch sử – văn hoá ở Hải Dương nói riêng, cũng như trong cả nước nói chung bị thu hẹp, đổ nát và xuống cấp nghiêm trọng hoặc bị phủ một lớp rêu phong vì sự lãng quên của con người.

Trong những năm gần đây, hoà chung với xu thế phát triển của đất nước, các di tích lịch sử - văn hoá dần dần được phục hồi, tôn tạo và phát huy tác dụng. Bên cạnh đó lễ hội được bảo lưu và ngày càng trở nên có ý nghĩa thiết

thực hơn. Người ta thừa nhận rằng chính các di tích lịch sử - văn hoá đã và đang đóng góp phần nhỏ bé vào sự hoàn thiện con người, đưa con người tới một cuộc sống tốt đẹp hơn và hướng người ta trở về với cội nguồn, ngược dòng lịch sử, trở về quá khứ, không lãng quên quá khứ mà trái lại biết trân trọng những thành quả vật chất và tinh thần của quá khứ. Từ đó kế thừa, khai thác phục vụ những mục đích hiện tại của con người.

Một trong những vấn đề cấp bách trong sự nghiệp xây dựng nền văn hoá ở nước ta là công tác bảo tồn, trùng tu và khai thác những giá trị văn hoá còn ẩn chứa bên trong các di tích lịch sử - văn hoá. Chúng ta luôn phải có ý thức bảo vệ, nghiên cứu những viên ngọc quý giá của cha ông để lại. Gìn giữ cho hiện tại và tương lai, kế thừa những tinh hoa, những truyền thống tốt đẹp của tổ tiên, phù hợp với đường lối của Đảng và nhà nước là xây dựng một nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của vấn đề này, nên em đã chọn đề tài làm khóa luận tốt nghiệp “Tìm hiểu di tích đền Cúc Bô huyện Ninh Giang – Hải Dương. Hiện trạng và giải pháp”. Với đề tài này, em hy vọng mình sẽ đóng góp một phần nhỏ bé của mình vào công tác bảo tồn và phát triển du lịch tại các di tích lịch sử văn hóa của huyện Ninh Giang nói riêng và của tỉnh Hải Dương nói chung.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nghiên cứu đánh giá đúng thực trạng, tiềm năng hiện có của di tích để đưa ra những giải pháp phát triển du lịch là một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu. Giải pháp đưa ra có phù hợp với tình hình thực tại hay không, có thúc đẩy phát triển du lịch địa phương hay không phụ thuộc rất lớn vào công tác này. Nhận thức đúng về tầm quan trọng đó Bộ Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch, Sở Du Lịch tỉnh Hải Dương, phòng văn hóa huyện Ninh Giang và các cơ quan hữu quan đã tiến hành nghiên cứu thực hiện nhiều dự án nhằm nhanh chóng phát triển du lịch Hải Dương nói chung và Ninh Giang nói riêng thành một điểm du lịch hấp dẫn du khách như: đề án phát triển Du lịch Hải Dương giai đoạn 2010 – 2015, tu bổ và phát triển các di tích văn hóa lịch sử tại Huyện Ninh

Giang... Trong những đề án, dự án đó đều dành một phần không nhỏ nghiên cứu về các di tích thờ nhân vật lịch sử của tỉnh Hải Dương nói chung và huyện Ninh Giang nói riêng.

Tuy nhiên việc nghiên cứu sâu về di tích thờ nhân vật lịch sử thì đến nay vẫn chưa được hoàn tất. Đề tài này chỉ tập trung nghiên cứu, đánh giá một khía cạnh của vấn đề, và đây là một vấn đề lớn đòi hỏi thời gian, công sức, tính khoa học và độ chính xác cao. Chính vì vậy, em rất mong đề tài này sẽ được nhiều người quan tâm nghiên cứu tiếp để đưa ra những chiến lược hoàn chỉnh, góp phần đưa hình ảnh du lịch của tỉnh Hải Dương nói chung và du lịch của Huyện Ninh Giang nói riêng đến với khách du lịch trong nước và quốc tế.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

+ Đối tượng nghiên cứu: các vấn đề liên quan đến di tích văn hóa lịch sử nói chung và di tích thờ nhân vật lịch sử nói riêng.

+ Phạm vi nghiên cứu: đề tài tập trung nghiên cứu về đối tượng di tích đền Cúc Bồ - Ninh Giang - Hải Dương.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

+ Tập hợp một số vấn đề lý luận liên quan đến di tích văn hóa lịch sử nói chung và di tích thờ nhân vật lịch sử nói riêng.

+ Nghiên cứu và đánh giá về thực trạng của di tích đền Cúc Bồ - Ninh Giang - Hải Dương.

+ Đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển du lịch địa phương, kết hợp thành tour du lịch cùng với một số di tích, thắng cảnh khác.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu.

Là phương pháp được sử dụng trước hết và cơ bản để hoàn thành đề tài. Để đưa ra được nhận xét, đánh giá một cách chính xác, khách quan nhất, thu thập những số liệu cần thiết từ các nguồn đáng tin cậy, những số liệu thống kê từ phòng văn hóa thông tin huyện, các nghị quyết nghị định của các cơ quan chức năng, các tài liệu của những nghiên cứu trước làm tài liệu tham khảo.

- Phương pháp điều tra, khảo sát, thực tế (thực địa).

Trong quá trình nghiên cứu đề tài đã vận dụng phương pháp nghiên cứu này để tổng hợp những thông tin đáng tin cậy nhất, về thực trạng bảo tồn phát triển di tích và những bất cập trong hoạt động quản lý, đề từ đó đề xuất được những giải pháp có tính khả thi phù hợp với yêu cầu thực tế.

- Phương pháp phân tích, đánh giá, so sánh.

Đây là phương pháp cơ bản được người nghiên cứu sử dụng. Trên cơ sở phân tích những tài liệu đã qua xử lý, so sánh với di tích được thờ một số vùng địa phương khác, tác giả đưa ra những nhận xét đánh giá của mình về những vấn đề được đề cập đến.

- Phương pháp chuyên gia.

Ngoài các phương pháp tự thân thì phương pháp chuyên gia cũng đóng góp vai trò hết sức quan trọng trong quá trình nghiên cứu đề tài. Để có cách hiểu đúng nhất về di tích nói chung và di tích thờ nhân vật lịch sử nói riêng thì cần có sự tham gia của các chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu.

6. Kết cấu đề tài

Ngoài phần phụ lục, mở đầu và kết luận nội dung đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lí luận cơ bản về di tích và di tích thờ nhân vật lịch sử.

Chương 2: Hiện trạng khai thác du lịch tại đền Cúc Bô

Chương 3: Một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển du lịch địa phương

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ DI TÍCH VÀ DI TÍCH THỜ NHÂN VẬT LỊCH SỬ

1.1. Khái niệm di tích

Theo từ điển bách khoa toàn thư “Di tích là dấu vết còn lại trong quá khứ, đối tượng nghiên cứu của sử học, khảo cổ học”.

Có nhiều loại di tích nhưng phổ biến nhất là di tích cư trú và di tích mộ táng. Phần lớn các di tích khảo cổ học đều bị chôn vùi trong lòng đất nhưng cũng có một số di tích trong lòng đất như: đền, tháp, chùa, các pho tượng, các bức vẽ ở bức hang... Nơi thờ cúng, lò gốm cổ, lò luyện kim cổ, kho chứa, hầm lò... cũng là di tích khảo cổ học.

Di tích là di tích văn hóa – lịch sử, được pháp luật bảo vệ, không ai được tùy tiện dịch chuyển, thay đổi, phá hủy.

Di tích lịch sử là nơi ghi lại những sự kiện quan trọng, tiêu biểu có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của đất nước, của địa phương. Đây là nơi ghi dấu những kỷ niệm, ghi dấu chiến công chống xâm lược, ghi dấu cuộc đời sự nghiệp của các danh nhân anh hùng dân tộc, ghi dấu những kết quả lao động sáng tạo vinh quang của quốc gia, ghi dấu tội ác của đế quốc và phong kiến.

1.2. Di tích lịch sử văn hóa

Di tích lịch sử văn hóa chứa đựng những truyền thống tốt đẹp, những tinh hoa, trí tuệ, tài năng, giá trị văn hóa, kiến trúc, mỹ thuật của mỗi địa phương, mỗi quốc gia. Di tích lịch sử văn hóa là tài nguyên nhân văn quý giá được hình thành, bảo tồn, tôn tạo của nhiều thế hệ ở các địa phương và các quốc gia. Vì vậy, nhiều di tích lịch sử văn hóa đã trở thành đối tượng tham quan, nghiên cứu, thực hiện các ghi lễ tâm linh của nhiều du khách và là nguồn tài nguyên du lịch quý giá.

Mỗi quốc gia trên thế giới đều có những quy định về di tích lịch sử văn hóa. Theo quy định trong hiến chương Vonidơ – Italia, 1964: Di tích lịch sử văn hóa các công trình xây dựng riêng lẻ, những khu di tích ở đô thị hay ở nông

thôn, là những bằng chứng của một nền văn minh riêng biệt của một sự tiến hóa có ý nghĩa hay là một biến cố về lịch sử.

Theo Đạo luật 16 về di sản lịch sử ban hành ngày 25/6/1985 của Tây Ban Nha, di tích lịch sử văn hóa được gọi là di tích lịch sử: “Di tích lịch sử bao gồm các bất động sản và các động sản có lợi ích nghệ thuật, có lợi ích sinh vật học, khảo cổ học, dân tộc học, khoa học kỹ thuật, cũng kể cả di sản thiên nhiên và thư mục, các lớp mỏ, các khu vực khảo cổ, các thắng cảnh thiên nhiên, các công viên, các vườn có giá trị nghệ thuật lịch sử hay nhân chủng học”.

Theo Pháp lệnh Bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh công bố ngày 4/4/1984, di tích lịch sử văn hóa được quan niệm như sau: “Di tích lịch sử văn hóa là những công trình xây dựng địa điểm, đồ vật, tài liệu và các tác phẩm nghệ thuật, cũng như có giá trị văn hóa khác, hoặc liên quan đến các sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hóa – xã hội”.

Theo quy định của Luật Di sản văn hóa được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa X, kỳ họp thứ IX thông qua ngày 29/6/2001 thì, di tích lịch sử văn hóa là “Công trình xây dựng, địa điểm và các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học”. Di tích lịch sử văn hóa gồm các bộ phận cấu thành sau đây:

- Các công trình kiến trúc, địa điểm có liên quan tới các sự kiện lịch sử hoặc nhân vật lịch sử, danh nhân văn hóa.
- Những đồ vật trong nội thất các công trình kiến trúc (vật dụng cá nhân, đồ tế tự trong các thiết chế tôn giáo, tín ngưỡng ...).
- Môi trường cảnh quan thiên nhiên xen kẽ hoặc bao quanh di tích.
- Những giá trị văn hóa phi vật thể gắn với các công trình, địa điểm đó.

Còn theo cuốn Địa lý du lịch thì được định nghĩa: “Di tích lịch sử văn hóa là những không gian vật chất cụ thể, khách quan trong đó chứa đựng các giá trị điển hình lịch sử do tập thể hoặc cá nhân con người sáng tạo ra trong lịch sử để lại”.

1.2.1. Tiêu chuẩn xếp hạng di tích

Công nhận di tích là một hoạt động có tính chất pháp lý và khoa học được thực thi phổ biến ở tất cả các quốc gia. Việc xếp hạng các di tích lịch sử văn hóa là cơ sở pháp lý cho các hoạt động bảo vệ, tôn tạo và khai thác di tích có hiệu quả, tạo quyền bất khả xâm phạm cho các di tích.

Các di tích lịch sử văn hóa tùy theo giá trị đã được các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa xếp hạng ở hai cấp Quốc gia và địa phương. Các di tích lịch sử văn hóa có các giá trị văn hóa, lịch sử và thắng cảnh đặc sắc ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt trong các thời kỳ phát triển của đất nước còn được cơ quan quản lý về văn hóa cấp trung ương xét duyệt và xếp hạng cấp Quốc gia loại đặc biệt.

- Tiêu chuẩn xếp hạng của Việt Nam:

Di tích xếp hạng cấp Quốc gia là những công trình xây dựng, địa điểm, đồ vật có giá trị lịch sử nghệ thuật cần được bảo vệ và tôn tạo. Chúng bao gồm:

- + Công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu những sự kiện, những mốc lịch sử quan trọng của dân tộc, các hoạt động chính trị, văn hóa, nghệ thuật, khoa học nổi tiếng có ảnh hưởng quan trọng đối với tiến trình lịch sử của dân tộc.
- + Công trình kiến trúc nghệ thuật, tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị tiêu biểu trong các giai đoạn phát triển nghệ thuật kiến trúc của dân tộc.
- + Địa điểm khảo cổ có giá trị nổi bật đánh dấu các giai đoạn phát triển của các nền văn hóa.
- + Cảnh quan thiên nhiên đẹp nổi tiếng hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc nghệ thuật hoặc khu vực thiên nhiên có giá trị khoa học về địa chất, địa mạo, địa hình, đa dạng sinh học, hệ sinh thái đặc thù.

Cấp xét duyệt và xếp hạng:

- + Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đơn vị hành chính tương đương chịu trách nhiệm tổ chức việc đánh giá các di tích thuộc địa phương mình và lập hồ sơ đề nghị công nhận.

+ Căn cứ vào đề nghị của các địa phương Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch) ra quyết định công nhận di tích lịch sử văn hóa.

- *Di tích lịch sử văn hóa cấp địa phương:*

+ Công trình xây dựng, địa điểm ghi dấu những sự kiện, những mốc lịch sử quan trọng của địa phương hoặc gắn liền với những nhân vật có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của địa phương trong các thời kỳ lịch sử.

+ Công trình kiến trúc nghệ thuật, tổng thể kiến trúc đô thị và đô thị có giá trị trong phạm vi địa phương.

+ Địa điểm khảo cổ có giá trị trong phạm vi địa phương.

+ Cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị trong phạm vi địa phương.

Cấp xét duyệt và xếp hạng:

+ Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và các cơ quan quản lý nhà nước tương đương chịu trách nhiệm tổ chức việc đánh giá các di tích thuộc địa phương mình và lập hồ sơ đề nghị công nhận.

+ Căn cứ vào đề nghị của các địa phương Giám đốc Sở Văn hóa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ra quyết định công nhận di tích lịch sử văn hóa.

Theo quy định xếp hạng của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, di tích lịch sử văn hóa và danh lam, thắng cảnh quốc gia và địa phương thành các dạng sau: Di tích khảo cổ; Di tích lịch sử; Di tích kiến trúc nghệ thuật; Các danh lam thắng cảnh; Các công trình đương đại.

- Các di tích khảo cổ: Là những di sản văn hóa lịch sử bị vùi lấp trong lòng đất hoặc hiện diện trên mặt đất, được phát hiện khi các nhà khoa học hoặc các cá nhân nghiên cứu, khai quật thấy.

Các di tích khảo cổ còn được gọi là các di chỉ khảo cổ. Các di tích khảo cổ thường bao gồm các loại: di chỉ cư trú, di chỉ mộ táng, những công trình kiến trúc cổ, những đô thị cổ, những tàu thuyền đắm.

Các di chỉ cư trú thường tìm thấy trong hang động, các thềm song cổ, các bãi hoặc sườn đồi gần các hồ nước hoặc bầu nước, một số đảo gần bờ.

- Các di tích lịch sử:

Mỗi địa phương, mỗi quốc gia đều có quá trình lịch sử, xây dựng, bảo vệ địa phương và đất nước riêng, được ghi dấu bằng những di tích lịch sử.

Những di tích lịch sử là những địa điểm, những công trình kỷ niệm, những cổ vật ghi dấu những sự kiện lịch sử, những cuộc chiến đấu, những danh nhân, anh hùng dân tộc của một thời kỳ nào đó trong quá trình lịch sử của mỗi địa phương, mỗi quốc gia.

Báo cáo tóm tắt Quy hoạch tổng thể Phát triển Du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 – 2012 (tr.151) của Tổng cục Du lịch Việt Nam ghi rõ: “Những di tích lịch sử là một bộ phận không thể tách rời của di sản quốc gia, chúng bao gồm tất cả những thắng cảnh, công trình kỷ niệm hoặc kỷ vật thuộc về một thời kỳ nào đó của lịch sử đất nước và đem lại lợi ích quốc gia về phương diện lịch sử, nghệ thuật và khảo cổ”.

- Các danh lam thắng cảnh: là những giá văn hóa do thiên nhiên ban cho. Các danh lam thắng cảnh không chỉ có vẻ đẹp tự nhiên ban cho mà còn là những danh lam do bàn tay con người tạo ra nó, chứa đựng những giá trị lịch sử văn hóa. Nên nó cũng góp phần quan trọng trong hoạt động du lịch.

- Các di tích kiến trúc nghệ thuật: là các công trình kiến trúc có giá trị nên gọi là kiến trúc nghệ thuật. Những di tích này không chỉ chứa đựng những giá trị kiến trúc mà còn chứa đựng cả những giá trị văn hóa xã hội và văn hóa tinh thần.

+ Chùa: là một công trình kiến trúc phục vụ mục đích tín ngưỡng, là di tích cổ nhất còn lại ở Việt Nam. Chùa còn là nơi tập trung của các sư, tăng, ni, Phật tử sinh hoạt, tu hành, và thuyết giảng đạo Phật. Tại nơi này, mọi người kể cả tín đồ hay người không theo đạo đều có thể đến thăm viếng, nghe giảng kinh hay thực hành các nghi lễ tôn giáo.

Kiến trúc chùa Việt Nam được xây dựng khá đa dạng và phong phú theo từng giai đoạn lịch sử và không gian khác nhau. Nên kiến trúc và độ to nhỏ cũng khác nhau. Thông thường thì các ngôi chùa truyền thống thường được đặt theo

dạng chữ Hán. Đó là kiểu chữ Công (I), chùa kiểu chữ Đinh, chùa kiểu Nội công ngoại quốc...

+ Đình làng: Đình là một công trình kiến trúc cổ truyền ở làng quê Việt Nam, là nơi thờ Thành hoàng và cũng là nơi hội họp của người dân. Việc thờ cúng Thành hoàng mang theo phong cách của Đạo Nho. Mỗi làng đều có một ngôi đình để thờ Thành hoàng của làng mình, vị Thành hoàng đó có thể là ông tổ của làng hay là vị thần, hay những người có công lập nên làng đó...

Ngôi đình là biểu tượng cho làng xã Việt Nam. Nói đến Việt Nam là nói đến “cây đa, giếng nước, sân đình”.

Về kiến trúc, nhìn chung các làng tương đối giống nhau. Đều được thiết kế theo mẫu chung, còn độ lớn nhỏ của mỗi ngôi đình thì lại phụ thuộc vào sự giàu có của mỗi làng.

+ Đền: là công trình kiến trúc được xây dựng để thờ cúng một vị thần hoặc một danh nhân quá cố. Có nhiều đền thờ dành cho các thần thánh trong tôn giáo hoặc tín ngưỡng địa phương. Nhưng cũng có nhiều đền thờ được xây dựng để ghi nhớ công ơn của một anh hùng có công với đất nước hay công đức của một cá nhân với địa phương mà được dựng lên theo truyền thuyết dân gian. Mỗi ngôi đền có chức năng, tên gọi và kiến trúc khác nhau.

+ Lễ hội: là một hình thức sinh hoạt văn hóa tập thể của nhân dân sau thời gian lao động vất vả. Lễ hội là dịp để mọi người thể hiện lòng nhớ ơn tổ tiên, những người có công với địa phương và với đất nước, có liên quan đến những ghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng, ôn lại những giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống hoặc hướng về một sự kiện lịch sử - văn hóa.

Lễ hội là tài nguyên nhân văn quý giá, là quốc hồn, quốc túy của dân tộc. Lễ hội góp phần cùng với các tài nguyên nhân văn khác tạo ra những giá trị văn hóa đa dạng, phong phú, đặc sắc của mỗi vùng, mỗi quốc gia.

Các lễ hội là tài nguyên nhân văn quý giá phục vụ cho mục đích phát triển du lịch bao gồm các: Lễ hội truyền thống và lễ hội hiện đại có quy mô lớn còn bảo tồn được giá trị văn hóa lịch sử truyền thống phong phú, đặc sắc.

Lễ hội truyền thống được hình thành phát triển và bảo tồn trong quá trình lịch sử phát triển lâu dài của các địa phương, các quốc gia.

Lễ hội hiện đại mới được tổ chức, triển khai trong những thập kỷ gần đây để thực hiện tuyên truyền quảng bá cho các sự kiện văn hóa, thể thao, kinh tế - xã hội...

Các lễ hội thường bao gồm hai phần: phần lễ và phần hội.

+ Phần lễ: có ý nghĩa thiêng liêng chứa đựng những giá trị văn hóa truyền thống, giá trị thẩm mỹ và tư duy triết học của cộng đồng. Tùy từng vùng, địa phương mà phần lễ được tổ chức long trọng và kéo dài hơn phần hội.

+ Phần hội: thường tổ chức vui chơi giải trí, biểu diễn văn hóa nghệ thuật, yếu tố nuôi dưỡng lễ hội là kinh tế - xã hội và tự nhiên nên nội dung của phần hội không chỉ giữ nguyên những giá trị văn hóa truyền thống mà luôn có xu hướng bổ sung thêm những thành tố văn hóa mới.

- Các công trình kiến trúc đương đại: là những công trình được xây dựng trong thời kỳ hiện đại, có giá trị về kiến trúc, mỹ thuật, khoa học, kỹ thuật xây dựng, kinh tế văn hóa thể thao hấp dẫn du khách có thể là đối tượng tham quan nghiên cứu, vui chơi giải trí, chụp ảnh kỷ niệm... đối với khách du lịch.

1.3. Vai trò của di tích lịch sử văn hóa

Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cả cộng đồng Việt Nam và là một bộ phận của Di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta.

Để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng cao của nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và đóng góp vào kho tàng Di sản văn hóa Thế giới.

Các đối tượng của văn hóa được coi là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn. Nếu như tài nguyên tự nhiên hấp dẫn khách du lịch bởi sự hoang sơ, độc đáo và hiếm có của nó thì tài nguyên du lịch nhân văn thu hút khách du lịch bởi tính đa dạng, phong phú, độc đáo và tính truyền thống cũng như tính địa phương của nó. Các đối tượng của văn hóa – tài nguyên du lịch nhân văn – là cơ sở để tạo nên các loại hình du lịch văn hóa phong phú.

Mặt khác, nhận thức văn hóa còn là yếu tố thúc đẩy động cơ du lịch của du khách. Như vậy, xét dưới góc độ thị trường thì văn hóa, đặc biệt là di tích lịch sử

văn hóa vừa là yếu tố cung vừa góp phần hình thành yếu tố cầu của hệ thống du lịch. Từ đó góp phần làm tăng doanh thu, giải quyết việc làm. Quan trọng hơn nữa là góp phần bảo lưu được giá trị văn hóa của dân tộc.

1.4. Di tích thờ nhân vật lịch sử

Là các công trình xây dựng, địa điểm gắn với thân thể và sự nghiệp của anh hùng dân tộc, danh nhân của đất nước.

Với bề dày lịch sử, dân tộc Việt Nam đã trải các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược phương Bắc, thực dân Pháp, đế quốc Mỹ. Và chính trong những cuộc kháng chiến ấy đã sản sinh ra biết bao nhiêu anh hùng dân tộc. Để thể hiện truyền thống tốt đẹp của người Việt, nhân dân ta đã xây những công trình kiến trúc nhằm tôn vinh công lao, sự nghiệp của các anh hùng dân tộc.

Hiện nay, có rất nhiều di tích gắn với tên tuổi sự nghiệp của các anh hùng, danh nhân. Tiêu biểu như:

+ Di tích Côn Sơn: gắn với cuộc đời và sự nghiệp của danh nhân văn hóa thế giới, vị anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi – danh nhân văn hóa Chu Văn An.

+ Đền Kiếp Bạc: nơi đóng đại bản doanh và cũng là nơi mất của Hưng Đạo Vương – Trần Quốc Tuấn.

+ Di tích Pác Pó (Cao Bằng), các công trình ở Kim Liên – Nam Đàn, nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở phủ Chủ tịch, gắn với cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Di tích thờ nhân vật lịch sử đã được nhà nước đầu tư kinh phí để xây dựng và trùng tu. Nhằm góp phần giáo dục tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc. Đồng thời cũng công nhận, xếp hạng các di tích để đưa vào phục vụ phát triển du lịch. Có thể nói di tích thờ nhân vật lịch sử là một phần không thể thiếu của di tích lịch sử văn hóa.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Chương 1 của khóa luận đã hệ thống hóa một số vấn đề về lý luận bao gồm: Khái niệm di tích và các khái niệm liên quan như di tích lịch sử văn hóa, di tích thờ nhân vật lịch sử. Bên cạnh đó khóa luận cũng đã nêu ra được vai trò của các di tích lịch sử văn hóa đối với việc phát triển du lịch. Trong đó đáng chú ý là một số vấn đề cơ bản sau đây:

Di tích lịch sử văn hóa là các công trình kiến trúc có giá trị lịch sử văn hóa như: đình, chùa, nghề, miếu. Đó là những di sản văn hóa chứa đựng cả một thời kỳ lịch sử anh hùng của dân tộc, chứa đựng những giá trị tôn giáo, tâm linh của từng vùng miền, từng giai đoạn lịch sử, là nơi tưởng nhớ tạ ơn các bậc thần linh, các vị Thành hoàng, các anh hùng dân tộc.

Di tích lịch sử văn hóa ẩn chứa những nét đẹp văn hóa của con người đất Việt, trở thành không gian văn hóa cho nhân dân. Trong những ngày hội truyền thống, đó là nơi họ thể hiện những nghi thức bày tỏ lòng thành kính, tạ ơn của mình với các bậc thần linh, cầu mong cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Du khách đến với các di tích lịch sử văn hóa là đến với quá khứ xa xưa, được tham quan di tích rồi chiêm nghiệm, tìm hiểu và nghiên cứu. Sức hút của di tích là vô tận, đòi hỏi sự say mê, tìm hiểu, khám phá của mỗi du khách. Có thể nói di tích lịch sử văn hóa có vai trò quan trọng trong hoạt động du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa. Đến với mỗi di tích lịch sử văn hóa là đến với một cộng đồng dân tộc với những nét văn hóa, bản sắc riêng, được hòa mình vào trong “văn hóa bản địa”, được khám phá những nét riêng độc đáo. Từ đó thêm yêu mảnh đất, con người cùng các di tích lịch sử văn hóa.

Dựa vào những vấn đề nêu trên, em có thêm cơ sở khoa học cho việc tìm hiểu, phân tích, đánh giá hiện trạng và đưa ra giải pháp nhằm phát triển du lịch tại đền Cúc Bồ huyện Ninh Giang – Hải Dương ở chương 2 và chương 3 của khóa luận.

CHƯƠNG 2. HIỆN TRẠNG DI TÍCH ĐỀN CÚC BỒ

NINH GIANG - HẢI DƯƠNG

2.1. Khái quát về quê hương anh hùng dân tộc Khúc Thừa Dụ

2.1.1. Khái quát chung về làng Cúc Bồ - Ninh Giang – Hải Dương

Nằm ven bờ sông Luộc, cách trung tâm huyện Ninh Giang 9km, Kiến Quốc có 5 thôn, bao gồm với hơn 7.400 người dân. Tỉnh lộ 210 chạy dọc qua đây, nối liền với 2 quốc lộ 17 và 20, tạo cho xã có một vị trí địa lý quan trọng về quân sự và thuận lợi về phát triển kinh tế, xã hội. Trong năm thôn của xã Kiến Quốc, đặc biệt có thôn Cúc Bồ được xác định là quê hương của anh hùng dân tộc Khúc Thừa Dụ, một vùng quê có bề dày lịch sử, có truyền thống văn hoá lâu đời.

Cúc Bồ là làng cổ, thời xưa gọi là làng Gọc, tổng Bồ Dương, phủ Ninh Giang thuộc đất Hồng Châu. Thôn Cúc Bồ bây giờ chỉ là Gọc bên của làng Gọc xưa. Trước đây, Cúc Bồ Trang có thể bao gồm cả mấy làng xưa gọi là Gọc: Gọc bên (nay là thôn Cúc Bồ), Gọc chợ (nay là thôn Cúc Thị) và cả mấy làng có tên “Bồ” như “Bồ Dương” (nay là thôn Bồ Dương thuộc xã Hồng Phong nằm liền kề với Cúc Bồ, chỉ cách thôn Cúc Bồ 1,5km (cùng thuộc huyện Ninh Giang) nằm ở bắc sông Luộc. Bên bờ sông phía nam sông Luộc còn có Bồ trang, Bái trang cũng có chữ Bồ, xưa rất liền kề với Cúc Bồ. Trước khi nắn và mở rộng sông Luộc, Cúc Bồ và Bồ trang, Bái Trang vốn có quan hệ mật thiết với nhau. Các làng này cùng chung đình Đổng Cói, có hội làng hợp nhất. Chỉ từ khi nhà Lý đào dài, mở rộng thêm sông Luộc, thì Bồ Trang, Bái Trang mới tách khỏi Cúc Bồ. Hiện nay, Bồ Trang, Bái Trang lại thuộc xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Còn Cúc Bồ thuộc xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang tỉnh Hải Dương.

2.1.2. Sự phát triển của làng Cúc Bồ

Làng Cúc Bồ là một vùng quê yên ả, có thể đất “rồng cuộn hổ ngồi”, “hậu sơn tiền thủy”, được bao bọc bởi 4 mặt sông và gần hơn là hệ thống “đống” ôm

trọn xóm làng như che chở cho mảnh đất địa linh, bồi đắp dòng cự tộc và sản sinh các bậc Đế vương.

Mảnh đất ấy, người đời sau từng ca ngợi:

Hồng Châu khí tú bồi cự tộc

Đông Xứ địa linh bản đế vương

(Hồng Châu có vượng khí đã bồi đắp dòng họ lớn

Xứ Đông là đất thiêng từng phát tích bậc đế vương).

Theo đánh giá của các nhà quân sự thì mảnh đất Cúc Bồ nói riêng và Kiến Quốc nói chung có vị trí quân sự quan trọng trong các cuộc chiến tranh. Nơi đây là quê hương – nơi khởi nghiệp của họ Khúc thế kỷ X.

Đầu thế kỷ X, nhà Đường suy vong, trong nước, các tập đoàn quân phiệt nổi lên chống đối triều đình. Ở Giao Châu, Tiết độ sứ Độc Cô Tôn hoang mang, bị triệu hồi về nước. Khúc Thừa Dụ, một vị hào trưởng có lòng nhân nghĩa, có thế lực ở đất Hồng Châu, đã chớp thời cơ ngàn năm có một, mang nghĩa quân tiến vào phủ Tống Bình - Đại La, đánh chiếm thành trì, phá tan quân giặc phương Bắc nhà Đường, tự xưng Tiết độ sứ, cai quản đất nước, mở đầu thời kỳ tự chủ của dân tộc sau hàng nghìn năm Bắc thuộc. Nơi đây còn là đất dụng võ. Có từ các đời Lý, Trần, Lê... mỗi khi nhà vua đem quân đi dẹp giặc, đều qua nơi này hạ trại, bàn kế sách, cũng là nơi cầu thiên thần “hồng tế, cự lân” con cháu vua Hùng, âm phù dương trợ, theo giúp nhà vua dẹp giặc bảo vệ giang sơn bờ cõi.

Mảnh đất Cúc Bồ thuận tiện giao thông thủy bộ, trên bến dưới thuyền. Thuyền bè xuôi sông Luộc hướng về phía mặt trời mọc có thể tới cảng Hải Phòng, ra tới biển và đi khắp 4 bể. Nếu ngược phía Tây, lại có thể nhập vào sông Hồng, ngược lên Lào Cai. Từ thế kỷ XIV – XV, người Trung Hoa, người Nhật, Hà Lan muốn về Phố Hiến, Thăng Long giao thương buôn bán đều phải qua bến Gọc, một thời nổi tiếng là bến của “phố khách” và chợ Gọc nổi danh một trung tâm buôn bán của phủ Ninh Giang. Ngày nay, từ đền thờ Khúc Thừa Dụ, những tuyến đường xe khách về Thành phố Hải Dương, thủ đô Hà Nội, Thành phố cảng Hải Phòng hoặc các tỉnh cực Nam,... tất cả đều thuận lợi.

Trải qua quá trình phát triển của lịch sử, làng Cúc Bồ ngày nay đã thay đổi nhiều về địa giới hành chính cũng như dân cư. Dân số hiện nay là 3.217 người, tổng diện tích làng trên 30 ha, chia thành nhiều xóm với 4 đội sản xuất. Dân sinh sống ở làng Cúc Bồ hiện nay gồm 8 họ, là họ Bùi, họ Hoàng, họ Tăng, họ Nguyễn, họ Đặng, họ Đoàn, họ Phạm, họ Phan. Cũng giống như các làng quê Việt Nam khác, làng Cúc Bồ là làng nông nghiệp, trọng nông. Tuy nhiên, làng còn nổi tiếng với nghề mộc truyền thống, có lịch sử cách đây hơn 400 năm. Nghề mộc phát triển tạo đời sống no đủ, khá giả cho người dân, nhưng không phải vì thế mà nghề nông bị coi nhẹ. Dù làm mộc nhưng gia đình nào cũng vẫn giữ ruộng trồng lúa, đời sống của người dân làng không bị thương mại hoá giống như một số làng nghề khác trên cả nước. Người dân làng Cúc Bồ chất phác, thuần hậu, mang bản chất bình dị của người nông dân Việt Nam. Với những giá trị văn hoá truyền thống cũng như hiện đại, người dân Cúc Bồ đã chung tay xây dựng đời sống văn hoá ở địa phương, và làng Cúc Bồ đã vinh dự được đón bằng công nhận làng văn hóa vào năm 1998. Trên nhịp phát triển sôi động của nền kinh tế thị trường, thì làng Cúc Bồ vẫn giữ được những nét bình dị, yên ả vốn có, tiêu biểu cho làng quê Việt ở Đồng bằng châu thổ sông Hồng.

2.2. Họ Khúc với công cuộc khôi phục quyền tự chủ nước Việt thế kỷ X

2.2.1. Khúc Thừa Dụ xây dựng nền độc lập từ thế kỷ X

Nhiều tài liệu chép rằng: Từ năm 774 – TCN Vua Chiêu Hậu nước Tấn phong cho cụ Thành Sư con út của Vua Mục Hậu ra cai quản đất Khúc Ốc (nay thuộc huyện Văn Hỷ tỉnh Sơn Tây – Trung Quốc). Thành Sư lấy tên đất làm họ của mình “Khúc Ốc”. Đến đời 19 thì bỏ chữ “Ốc” giữ lại chữ “Khúc”. Theo “Cẩm nang thị tính” năm 756 SCN Khúc Hoàn viên quan Tiết Độ Sứ đất Hứa được vua Đường Túc Tông phái đi làm Kinh – lược sứ đất Giao Châu. Nhân đó, ông đưa con cháu sang cắm dinh, lập ấp tính kế lâu dài. Ở Hồng Châu họ Khúc có từ đây. Tính đến Khúc Thừa Dụ là đời bốn, Khúc Hạo là đời năm, Khúc Thừa Mỹ là đời sáu. Tổng cộng 167 năm. Sách cũ viết: Họ Khúc “Là một đại cự tộc, đời đời nối nhau làm Hào trưởng, gia đình giàu có, đất ruộng mênh mông, tôi tớ nhiều vô kể”. Bởi thế vùng phụ cận làng Cúc Bồ, xuất hiện nhiều trang trại và

làng nghề như: Trại Mụ, Trại Mỹ, Ngọc Điền Trang, Trại Sắt, Trại Chuông, Trại Hán, Trại Vàng, Trại Hào, Ấp Quốc, Quán Ải... Và các làng nghề: nghề chế biến lương thực thực phẩm ở Cúc Thi, dệt vải ở Đà Phố, đan dậm ở Văn Diệm, chõng tre ở Bùi Xá, nơm, lưới, vó ở Phủ Tả, đó, lờ ở Thủ Sĩ, nong nia ở làng Đụn, Dân, sàng ở La Khê. Buôn bán ở ba làng Bói (Bói Giang), giò chả ở Tân Hương, rượu ở Bồng Lai...trồng rau Cần ở An Lãng. Đặc biệt làng Cúc Bồ có nghề làm Đình đã một thời nổi tiếng xứ Đông.

Nhà Đường suy vong, Chu Toàn Trung tìm cách giết Đường Chiêu Tông và Đường Tuyên Đế lên ngôi rồi thoán nghịch cướp ngôi, khiến Trung Quốc náo loạn. Các nước nổi dậy tiêu diệt lẫn nhau. Sử Trung Quốc gọi là “Ngũ đại – Thập quốc”(5 đời 10 nước). Chớp thời cơ, Khúc Thừa Dụ ráo riết chiêu mộ nghĩa binh, tích trữ lương thực, chuẩn bị khởi nghĩa. Nhờ tài cao, đức dày, các nơi đều theo về rất đông.

Năm 905, Ông mang quân đánh Tống Bình rồi tự nhận mình là “Tiết Độ Sứ” mới thay Độc Cô Tôn. Chiếm được Tống Bình. Khúc Thừa Dụ nhanh chóng cắt đặt quan lại giữ những chức vụ chủ yếu và ra lệnh cho phép quan quân nhà Đường hồi quốc, sĩ tốt người Việt bị ép đi lính thì cho về đoàn tụ với gia đình.

Có người bàn: "Nhân cơ hội này, lên ngôi chí tôn, đặt Quốc hiệu, Niên hiệu cho chính danh". Khúc Thừa Dụ gạt đi và nói rằng: "Điều cốt yếu là giành và giữ cơ đồ. Chính danh phận mà rớt cuộc gây nguy hại cho điều cốt yếu kia, phỏng có ích gì!"

Từ khi lên nắm quyền Khúc Thừa Dụ đã liên tiếp ban hành nhiều chính sách tích cực, tiến bộ, được lòng dân trong nước, tránh được sự hăm hực của bọn phong kiến Trung Quốc. Sử cũ ghi: “Khởi dựng cơ nghiệp lớn là Khúc Thừa Dụ. Người rất nhân ái và khoan hòa, ai ai cũng mến mộ” theo về (Ngô Thì Sĩ).

Trước việc đã rồi, tháng giêng năm Bính Dần (906) Vua Đường buộc phải phong cho Khúc Thừa Dụ chức “Tĩnh hải Tiết Độ Sứ” (chức quan cao nhất ở nước ta). Sau này phong cho tước “Đồng Bình Chương sự” (có thêm quyền

được phép thay mặt triều đình quyết đoán các việc lớn nhỏ, được ngồi cùng Vua bàn việc quốc trọng).

Tuy chưa đặt quốc hiệu, xưng đế, xưng vương, trên danh nghĩa tự coi mình như một quan lại nhà Đường “Về thực chất Khúc Thừa Dụ đã xây dựng một chính quyền Tự chủ, Giành lấy chính quyền. Khúc Thừa Dụ đã kết thúc về cơ bản ách thống trị hơn 1000 năm phong kiến phương Bắc” (Lịch sử Việt Nam tập 1). Ngày 23 tháng 7 năm Đinh Mão, Khúc Thừa Dụ tạ thế. Con là Khúc Hạo nối nghiệp cha.

Trên bức cuộn thư thờ tại Đình làng được tạo dựng năm 1940 niên hiệu Bảo Đại có ghi “*Tổ linh thiêng biến hóa trên đời. Muốn phúc lớn phải có lòng tôn quý. Lòng nhân từ lớn lao. Trí tuệ thần thông quảng đại minh mông. Đạo nhân sâu nặng. Xưa nay vẫn tích tụ sự trong sáng. Ngàn thu mãi mãi lưu truyền*”.

Ngày nay, du khách vào khu Đền mới vừa xây dựng đã gặp đôi câu đối trạm khắc trên trụ đá lớn trước cửa Đền:

Hung Nam tráng khí sơn hà tại

Cự Bắc dư linh Miếu vũ trường.

Nghĩa:

Hung vượng cõi Nam, tráng khí còn mãi với sông núi

Chống cự phương Bắc dư linh bền vững tại miếu đường.

Truyện ít biết về Khúc Thừa Dụ

Khúc Thừa Dụ là người thông minh. Theo dã sử trong tập sách có tên là “Bán Đại Văn” (Nửa đời nghe). Có kể hai mẩu chuyện về Khúc Thừa Dụ, khi còn là thiếu niên 10 tuổi.

**Truyện thứ nhất: Dùng mẹo trong hội chọi trâu*

Truyện kể rằng ở Hồng Châu thời ấy có tục chọi trâu. Làng của Khúc Thừa Dụ đã đi nhiều nơi mua được những trâu chọi to, khỏe. Song mỗi lần thi đều không giật được giải nhất. Mọi người rất buồn, lấy đó là điều xỉ nhục.

Năm ấy, sắp đến hội thi, thấy mọi người buồn phiền. Khúc Thừa Dụ bước tới chấp tay thưa với cha và chúc sắc trong làng rằng:

- Năm nay, nhất định trâu làng ta sẽ thắng. Nhất định như thế mà.

Một người lớn tuổi nói với Khúc Thừa Dụ:

- Cả làng đang lo, không biết tìm đâu ra trâu tốt. Cháu biết gì mà chen vào?

Khúc Thừa Dụ lễ phép thưa:

- Thưa các cụ, mấy con trâu mua về năm ngoái đã quá đủ để thắng cuộc.

Con xin vì làng mà mạnh dạn hiến kế chỉ xin các cụ và cha giữ bí mật đến cùng.

Mọi người bằng lòng.

Khúc Thừa Dụ thưa: Năm nào mỗi làng đều mang ba con trâu đến thi “chọi” gồm: Nhất đẳng, Nhị đẳng, Tam Đẳng. Trâu ở đẳng nào thì chọi với trâu ở đẳng ấy. Nay nếu lấy trâu Nhất đẳng của làng ta chọi với trâu Nhất đẳng của làng bên thì trâu làng ta ắt thua. Tương tự các trâu chọi khác cũng như vậy.

Nay ta có cách chọi mới: Lấy trâu “Tam đẳng” của làng ta, chọi với trâu “Nhất đẳng” của làng bên, trâu của làng ta sẽ thua do đó làng bên rất hý hửng... Rồi ra lấy trâu “Nhất đẳng” của làng ta chọi với trâu “Nhị đẳng” của làng bên, lấy trâu “Nhị đẳng” của làng ta chọi với trâu “ Tam đẳng” của làng bên. Hai trận sau ta thắng. Rốt cuộc 3 trận giao tranh, ta thắng 2. Như thế là ta thắng cuộc.

Mọi người rất vui, cho đó là diệu kế.

Đúng như vậy, cuộc thi chọi trâu năm ấy, trâu làng nhà giết giải.

Sau truyện này ai cũng cho rằng Khúc Thừa Dụ mai sau sẽ là đáng kỳ tài trong thiên hạ, có thể thấy trước các việc chưa xảy ra. Trăm họ được nhờ ơn không phải là ít.

**Truyện thứ hai: Dùng trâu đuổi giặc*

Khi Khúc Thừa Dụ đã là một thanh niên cường tráng, nổi nghiệp cha làm Hào Trưởng. Ông thường tìm cách chiêu nạp hào kiệt. Tất cả người đến với ông đều mượn danh là gia khách. Họ về đây “Tụ nghĩa” chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền.

Bọn giặc đánh hơi thấy, bèn sai quân sĩ đến “thăm” nhà Hào trưởng để dò la thực hư. Biết chuyện ấy, có người khuyên ông: Nên tiêu diệt bọn này rồi thừa cơ dốc binh quét sạch quân giặc ra khỏi bờ cõi.

Ông mỉm cười, rồi gọi những người thân tín đến, ông nói:

- Ta đã hiểu ý đồ của giặc. Nay giặc tuy yếu nhưng sức ta chưa mạnh. Ta đánh thắng một trận nhỏ chẳng đủ bù cho tổn thất lớn sau này. Vì thế ta có ý định làm thế này, thế này...

Về sau, dân làng ai cũng biết. Ông đã sai người lấy những trái ớt thật cay phơi khô, đã nhỏ bỏ chung với muối rồi cho vào túi nhỏ buộc vào “hạ bộ” trâu, cột chặt lại,...rồi sai người dắt trâu ra đường nơi quân lính thường qua lại, chờ sẵn. Quả nhiên lũ giặc kéo đến. Ông hạ lệnh lấy nước sôi đổ vào túi muối ớt. Trâu bị cay, xót hoảng hốt lồng lên chạy thục mạng. Muối ớt càng thấm, trâu càng hung dữ, gặp bất cứ ai cũng húc.

Giặc khiếp vía, tránh được trâu này lại bị trâu khác húc. Đường hẹp, không có lối thoát, chúng chỉ còn biết kêu trời mà thôi. Có tên chết, có tên bị thương kêu la inh ỏi. Khi trâu chạy xa, Khúc Thừa Dụ sai người ra khênh những tên bị thương về dinh chạy chữa và vỗ về tỏ lòng thương tiếc. Từ đây, bọn giặc không dám bén mảng đến nữa.

2.2.2. Khúc Hạo – Nhà cải cách đầu tiên xây dựng đất nước

Sau hơn một năm nắm quyền cai quản đất nước, ngày 23/7/907 (Đinh Mão) Khúc Thừa Dụ tạ thế. Con là Khúc Hạo nối nghiệp cha.

Khi ấy ở Trung Quốc, Chu Toàn Trung cướp ngôi nhà Đường lập ra nhà Lương, trở thành Lương Thái Tổ và nuôi hy vọng đặt nền đô hộ của chúng trên đất Giao Châu. Để dọn đường cho tương lai, tháng 7 – 907 nhà Lương sai sứ sang phong cho Khúc Hạo làm “Tĩnh hải Tiết Độ Sứ” và tước “Đồng Bình Chương Sự”. Cũng để dụ dỗ, vỗ về viên quan Quảng Đông là Lưu Ân, nhà Lương cũng phong cho Lưu Ân kiêm cả chức này. Nhưng Lưu Ân cũng có tham vọng lớn. Hắn đã tách Quảng Đông thành vương quốc riêng, đặt Quốc hiệu là Nam – Hán.

Mặc dù chính quyền mới còn trứng nước “Ngàn cân treo sợi tóc” Khúc Hạo đã nhận thức: Phải tạo được nền tảng kinh tế - xã hội – văn hóa vững chắc thì mới giữ được nền Tự chủ lâu dài. Khúc Hạo đã ban hành nhiều chính sách tiên bộ và tích cực.

Về đối nội: Khúc Hạo đã cải tổ hành chính nhằm tăng cường năng lực quản của Nhà nước. Trước hết ông chia nước ra thành: Lộ - Phủ - Châu – Giáp – Xã. Ông muốn đất nước ta khi đó không còn phải chịu sự thống thuộc của chính quyền Trung Quốc nữa. Ở xã Khúc Hạo đặt thêm chức quan gọi là “ Chánh Lệnh trưởng” và “ Tá Lệnh trưởng” trông coi việc tô thuế. Khúc Hạo đổi các “ Hương” thành “ Giáp” đặt “ Quản Giáp” và “ Phó tri giáp” coi việc đánh thuế. Mỗi xã có từ 40 đến 60 hộ. Cứ 10 xã gộp lại thành 1 giáp bằng 600 hộ. Thời Cao Biền không có xã chỉ có “Hương” (164 hương). Nay đến thời Khúc Hạo bỏ Hương thay bằng Giáp đặt thêm 150 Giáp nữa thành 314 giáp tương đương với 268.400 hộ.

Chức sắc hàng xã là do dân cử nên họ gắn bó mật thiết với cấp trên và chịu sự chi phối của cấp trên. Khác với trước đây, bọn phong kiến đô hộ, nắm chính quyền từ trên xuống. Nay Khúc Hạo nắm chính quyền từ dưới lên. Làng xã Việt Nam có từ thời Khúc Hạo.

Cải cách kinh tế: Khúc Hạo còn định ra chế độ thuế khóa mới “Bình quân thuế ruộng”, “ Tha bỏ lực dịch”, “Lập sổ hộ khẩu”, kê rõ họ tên quê quán, giao cho Giáp trưởng trông coi. Điều này đã tạo sự công bằng, loại bỏ miễn giảm cho người có quyền thế. Còn “Lực dịch bãi bỏ” thì người dân không phải gánh ách nặng nề phục dịch cho kẻ thống trị như xưa.

Cải cách chính trị - xã hội: Sử cũ ghi là: “Chính sự cốt chuộng khoan dung giản dị, nhân dân đều được yên vui”. Viết gọn là: Khoan – Giản – An – Lạc. Cải cách này bao hàm tính nhân ái độ lượng, khoan dung tạo nên cuộc sống mới đối lập với cuộc sống bị trà đạp, áp bức bóc lột trước.

Những việc làm trên chứng tỏ chính quyền mới, muốn thâm tóm quyền hành ở cả cấp thấp nhất, tạo được cơ sở và lòng tin cho dân.

Về đối ngoại: Để tránh những đụng độ không cần thiết Khúc Hạo chủ trương thuận phục nhà Lương và ứng xử mềm mỏng với Nam Hán để giữ bằng được nền Độc lập – Tự chủ non trẻ vừa giành được, tạo cơ hội củng cố đất nước.

Năm 911, Lưu Ân qua đời. Em là Lưu Nghiễm lên nối ngôi. Nhân cơ hội này, Khúc Hạo cho con là Khúc Thừa Mỹ dẫn đầu phái bộ sứ giả sang chia buồn

và dự lễ “ Đăng quang”, thông qua việc kết mối hòa hiếu, dò la thực hư của Nam Hán, để có kế hoạch đối phó.

Mười năm kế thừa sự nghiệp của cha (907 – 917). Khúc Hạo đã bền bỉ phấn đấu. Khôn khéo trong đối nội, mềm dẻo trong đối ngoại. Ông có nhiều công hiến lớn. Trong nước Thái bình – Biên cương yên ổn – dân cư an vui lạc nghiệp. Nền Độc lập – Tự chủ ngày càng vững mạnh. Sự nghiệp lớn đã ổn định, từng bước đi lên. Từ xưa tại miếu thờ ông ở Cúc Bồ đã có đôi câu đối:

*“Từ tâm quang đại đồng thiên địa
Hạo miếu tắc ung tự cổ kim”.*

2.2.3. Khúc Thừa Mỹ - nối nghiệp ông cha

Khúc Thừa Mỹ thuộc đời thứ 6 của họ Khúc ở Giao Châu. Ông là con trai trưởng Khúc Hạo, cháu nội Khúc Thừa Dụ.

Tương truyền ông là người mưu trí, dũng cảm, cương quyết, chuộng nghề võ. Có ý chí mở mang sự nghiệp của cha, ông.

Những năm cha làm Tiết Độ Sứ. Ông được cha cử làm “Hoan Hảo Sứ” với Nam Hán để dò thực hư giúp cha có chủ trương kế sách đối phó. Khi trở về, Khúc Thừa Mỹ tỏ ý lo sợ trước sức mạnh của Nam Hán. Ông tạm hòa hoãn với Lương để có thời gian chuẩn bị đối phó với Nam Hán. Ông xin lĩnh “Tiết Việt” của nhà Lương.

Vua Nam Hán lấy cớ: Khúc Thừa Mỹ thần phục nhà Lương không thần phục mình. Năm 923, Vua Nam Hán sai Lý Thủ Dung và Lý Khắc Chính sang xâm lược Giao Châu. Khúc Thừa Mỹ lực mỏng, thế cô không chống cự nổi bị Nam Hán bắt.

Về việc Khúc Thừa Mỹ bị bắt. Đại Việt Sử Ký toàn thư có viết: Vua Nam Hán là Nghiễm lên lầu Nghi phụng nhận tù binh, thấy Khúc Thừa Mỹ liền bảo rằng: Hàng ngày, người coi ta là Ngụy triều, nay lại bị trói đưa về đây quỳ trước mặt ta là có sao?

Khúc Thừa Mỹ cúi đầu im lặng.

Đánh giá việc này, Lê Tung trong phần tổng Luận (ĐVSKTT – Tiền biên tập 7 trang 29) đã hé ra một nguyên nhân: “Hậu chúa hay gây việc can qua, thuế khóa, sai dịch nặng nề, trăm họ ta thán”.

Nếu nhận xét này là trung thực, khách quan thì Khúc Thừa Mỹ đã có phần xa rời quan điểm trọng dân, khoan dân mà ông, cha đã làm. Nên trước họa xâm lăng Khúc Thừa Mỹ không tập hợp được nhân dân tạo thành sức mạnh của cả nước vào sự nghiệp chống xâm lăng. Đó chính là thiếu sót nghiêm trọng của Khúc Thừa Mỹ.

Còn việc Khúc Thừa Mỹ “Cúi đầu im lặng”, có người cho là nhu nhược hèn kém.

Nhận xét này cũng cần được xem lại. Vì hoàn cảnh bị bắt, trước lời tự đắc của Lưu Nghiễm hỏi ông làm được gì hơn là im lặng, im lặng để hy vọng được tha và chờ thời cơ...

Đây là cử chỉ tự nín, tự hạ mình chứ không bị mất nhân cách. Con cháu ông có người viết:

Cha sáng trưng cờ xây nghiệp lớn
Con minh, lập chính dựng giang sơn
Cháu nín chịu khi sa tay giặc
Để cứu cơ đồ giữ nước non.

Sau 25 năm tồn tại, chính quyền độc lập – tự chủ của họ Khúc tạo dựng đã bị Nam Hán phá hủy. Thử thách đối với dân tộc ta lại bắt đầu. Họ Khúc không còn nắm quyền điều khiển quốc gia, nhưng xu thế mà Họ Khúc đã vạch ra, không thể thay đổi được. Từ đây nhân dân Giao Châu bắt đầu cuộc chiến đấu mới nhằm kế tục sự nghiệp Độc lập – Tự chủ vốn có từ Họ Khúc.

2.2.4. Người con gái của vị anh hùng dân tộc Khúc Thừa Dụ

Tương truyền, thuở nhỏ Khúc Thị Ngọc thông minh, ưa hoạt động, quảng giao và ý chí mạnh mẽ hơn người, sớm bộc lộ biệt tài về đầu óc tổ chức. Tuy con nhà gia thế nhưng nàng ham bơi lội, đua thuyền. Trong thời gian cùng sống với cha tại phủ Tống Bình, Khúc Thị Ngọc – công chúa Quỳnh Hoa được tham gia bàn kế an dân giữ nước.

Từ khi Tiên chúa Khúc Thừa Dụ qua đời, Khúc Hạo thay cha trị vì đất nước, nàng đã xin người anh cho mình được để tâm tìm mưu kế phát triển dân sinh.

Tuy là con gái nhà cảnh vàng lá ngọc, sống trong nhung lụa nhưng công chúa Khúc Thị Ngọc lại là người thuần hậu, thương dân. Bà tự nguyện rời cảnh lầu son về vùng nông thôn, giúp dân nghèo khai phá ruộng sinh lầy phía nam thành Đại La trở thành ruộng vườn, làng mạc, chợ búa sầm uất đông vui. Bà thân đi bảo ban, hướng dẫn dân chúng xây chùa, tu thân tích đức, sống lương thiện; dạy dân học cách làm nghề canh cửi, tầm tang làm nên cuộc sống an lạc, điều mà người cha từng chủ trương xây dựng đất nước tự chủ bấy giờ.

Quỳnh Hoa Công chúa đã hết lòng vì cuộc sống bình yên của muôn dân, cho đến khi sức kiệt, trút hơi thở trên cánh đồng làng Vĩnh Mộ, thuộc huyện Thường Tín, Hà Tây (nay là Hà Nội). Dân trong vùng thương tiếc bà, đã lập đền thờ tôn là Thánh Mẫu. Rằm tháng ba hàng năm dân chúng quanh vùng đều tổ chức lễ rước linh đình. Cũng vì ngưỡng vọng bà, nên trong dân gian còn để lại câu chuyện truyền thuyết rằng: Khi ở phủ Tổng Bình, một hôm bà đi thuyền dạo chơi Tây Hồ, gặp mưa to, bèn vào chùa Trấn Quốc thỉnh chuông niệm Phật. Tiếng chuông ngân lên thì từ hồ Tây có con trâu vàng hiện lên xin theo hầu.

Bà Khúc Thị Ngọc rời chùa, xuống thuyền theo dòng Kim Ngưu, con trâu vàng rẽ nước băng lên phía trước dẫn lối. Kỳ lạ thay, thuyền bà lướt tới đâu, thì lạch nước thành sông, bãi lầy thành ruộng. Các làng xóm, chợ búa mọc lên theo. Đến khi thuyền dừng lại thì vào một nơi có phong cảnh đẹp. Gặp một làn nước trong mát, bà xuống tắm. Xong rồi bà lên gò cao, trút bỏ xiêm y rồi biến. Dải yếm đào bà để lại, đã hóa thành một dải ruộng đồng dài hàng ngàn cây số từ thôn Vĩnh Mộ qua thôn Cổ Chát đến thôn Phương Cù ngày nay.

Đền thờ bà chúa dựng trên gò đất cao tại đầu làng Vĩnh Mộ, gần sông Nhuệ, thuộc xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (Hà Nội bây giờ). Ban đầu đền chỉ là túp lều tranh, dựng sơ sài, xung quanh là đồng chiêm trũng. Đến khi vua Lý Thái Tổ lên ngôi, dời đô từ Hoa Lư về La Thành, đổi tên là Thăng Long, vua bèn ban sắc chỉ cho dân chúng trong vùng tôn tạo xây đền

chùa và nhân đó ba làng Vĩnh Mộ, Cổ Chát, Phượng Cù công đức xây dựng thành ngôi miếu lộ thiên hình ngai để thờ Bà.

Sang triều Lê, miếu Thánh Mẫu lần đầu tiên được tân tạo. Nhưng phải đến nhà hậu Lê mới xét sắc công lao và ban sắc “phong thần” cho Bà, nhưng sắc chỉ đã thất truyền. Trong đền hiện chỉ còn tấm biển sơn son thiếp vàng đề bốn chữ “Lịch triều phong tặng” là dấu tích của lần phong tặng ấy.

Nhưng đáng quý hơn, đền thờ Thánh Mẫu – Công chúa Quỳnh Hoa Khúc Thị Ngọc còn lưu giữ được ba đạo sắc phong của các vua triều Nguyễn:

- Sắc phong của vua Thành Thái năm Kỷ Sửu (1889) phong “Khúc Thị Ngọc, công phu nhân chi thần”.

- Sắc phong của vua Duy Tân năm 1909 Kỷ Dậu phong “Dực bảo trung hưng linh phù Khúc Thị Ngọc, công phu nhân chi thần”.

- Sắc phong của vua Khải Định năm 1924 phong “Dực bảo trung hưng linh phù Khúc Thị Ngọc, công phu nhân tôn thần”.

Trải qua 35 năm, ba vị vua nhà Nguyễn đều sắc phong cho Công chúa Khúc Thị Ngọc là bậc thần tôn kính, càng về sau càng trân trọng. Vua Thành Thái chỉ phong là Khúc Thị Ngọc công phu nhân chi thần, nhưng tới vua Duy Tân đã tăng thêm mỹ tự là “Dực bảo trung hưng linh phù Khúc Thị Ngọc công phu nhân chi thần”. Đến đời vua Khải Định, sắc phong thêm mỹ tự “Dực bảo trung hưng linh phù Khúc Thị Ngọc công phu nhân tôn thần, hộ quốc tỵ dân” (nghĩa là Bà chúa linh thiêng đã có công giúp nước che chở bảo vệ dân), đồng thời vua Khải Định còn gia thêm mỹ tự “Trình uyển thánh mẫu tôn thần” – nghĩa là Bà chúa tiết hạnh, thuần hậu, vị thần đáng tôn kính.

Năm 1938, để ghi công đức sự nghiệp của Bà, dân chúng quanh vùng đã cùng trùng tu lớn ngôi đền Thánh Mẫu, đồng thời Hội tư văn toàn khu đã làm bài ký, khắc sơn son thiếp vàng và viết bài thơ chữ Hán, khắc lên cuốn thư thật tinh xảo.

Đền thờ bà Chúa được tân tạo gần đây nhất là năm 1995, với ngôi nhà ba gian lợp ngói, có một hậu cung. Trên bệ thờ có khám cổ. Trong khám có tượng Thánh Mẫu, tĩnh tọa trên tòa sen.

Đền còn giữ được một số hiện vật có giá trị. Đặc biệt giữ được 9 đồng tiền cổ, nói là tiền Yêm tâm tượng rất quý.

Trong số 6 đồng còn rõ chữ, thì có 3 đồng xác minh được niên đại:

- Gia Khánh thông bảo (tiền thời Lý Thánh Tông, 1059 – 1065).
- Nguyên Thông thông bảo (tiền triều Trần Thánh Tông, 1251 – 1258).
- Bảo Hưng thông hiệu (triều Nguyễn Quang Toán, Tây Sơn, 1793 – 1802).

Ngày 4 tháng 2 năm 2003, tại Quyết định số 158/QĐ- UB. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây đã công nhận đền thờ Công chúa Khúc Thị Ngọc (tức Quỳnh Hoa Thánh Mẫu) là di tích lịch sử văn hóa cần được bảo vệ tôn tạo.

Ba cha con Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo, Khúc Thị Ngọc thế kỷ 10 đều trở thành anh hùng dân tộc, có công với nước trong công cuộc bảo vệ và kiến quốc. Việc tìm ra ngôi đền gốc, càng hiểu thêm phẩm hạnh cao quý của công chúa Khúc Thị Ngọc làm sáng rõ thêm công lao sự nghiệp to lớn của bà đối với lịch sử nước nhà.

2.3. Di tích đền Cúc Bồ

2.3.1. Đình làng Cúc Bồ hạt Hồng Châu xưa

Đình làng Cúc Bồ tọa lạc trên thế đất “Long giáng – Hồ ngồi” gần đường, gần sông. Hiện còn lưu đôi câu đối:

Thiên trụ, nãi tôn cận nhi lục. Viễn nhi giang tả hữu vãng lai chiêm khởi kính

Địa dự dĩ lập, cao sở phú, hậu sở tái. Á âu phong vũ dịch lan ma”

Ngôi đình nằm trên mảnh đất cao so với cư dân trên 1m. Theo truyền ngôn thì từ xa xưa làng có ngôi đình “Đồng Cói”. Hiện nay thuộc đất xã Quỳnh Hoa huyện Quỳnh Phụ tỉnh Thái Bình. Xã Quỳnh Hoa có làng “Bồ Trang”. Cúc Bồ xưa có tên là “Cúc Bồ Trang”. Xã Quỳnh Hoa có đền thờ Thánh Mẫu Quỳnh Hoa (Công chúa Khúc Thị Hoa, em Trung chúa Khúc Hạo).

Dòng sông Luộc chuyển mình, nhân dân Cúc Bồ đã chuyển ngôi đình “Đồng Cói” về dựng tại phía Nam của làng từ năm nào chưa rõ. Năm 1918 làng tân tạo lại ngôi đình mới. Hướng Nam nhìn về đất cổ xưa.

Ngôi đình xây dựng theo kiểu chữ “Đình” gồm 7 gian ngoài, 3 gian hậu cung. Cột đình có đường kính 65cm, mái đao, góc “giao moi”. Kiến trúc nghệ thuật thời Lê – Nguyễn do 7 hiệp thợ của làng đứng ra đảm nhiệm. Hai bên tả hữu là 2 giải vũ 5 gian. Trước cửa Đình là một ao rộng. Đình có một cổng chính và hai cổng phụ. Hai bên là 2 giếng mắt rồng. Xung quanh có nhiều cây cổ thụ. Phong cảnh tĩnh mịch, uy nghiêm, u hoàn tuyệt mỹ.

Tiếc rằng, ngôi đình đã bị thực dân Pháp tháo dỡ từ đầu năm 1950 khi chúng kéo quân về xây bốt tại Cúc Bồ. Cùng năm ấy, chúng còn tháo dỡ cả quần thể di tích Đền – Miếu – Chùa cách đình khoảng 800m về phía Tây. Nhân dân Cúc Bồ bắt chấp bom đạn, sự hăm dọa của địch, dân làng bí mật tháo dỡ toàn bộ ngôi miếu thờ Khúc Hạo đem về dấu ở trong làng. Năm 1978 mới đem ngôi miếu về dựng trên nền cũ. Từ đây ngôi miếu được gọi là Đình. Ngày xưa trong đình có nhiều đồ thờ rất quý nhưng đã thất lạc.

Hiện nay còn bức cuốn thư tạo dựng năm Canh Thìn Niên hiệu Bảo Đại (1940). Nội dung “Tổ linh thiêng biến hóa trên đời. Muôn phúc lớn phải có lòng tôn quý. Lòng nhân từ lớn lao. Trí tuệ thần thông quảng đại, mệnh mệnh. Đạo nhân sâu nặng. Xưa nay vẫn tích tụ sự trong sáng, ngàn thu mãi mãi lưu truyền” (Nguyễn Thị Ngọc Lan – BT Hải Dương dịch).

Năm 1999 phát hiện trong lòng đất chừng 3 mét dưới đầm sen trước cửa Đình thấy dấu hiệu của thành lũy cũ. Bảo tàng Hải Dương đã khai quật tìm thấy: Nhà cửa, cây cối, gạch ngói, nền móng thành lũy cũ đã bị phá hủy. Bảo tàng kết luận: Di chỉ này liên quan đến họ Khúc thế kỷ X. Sau đó, có nhiều hội thảo, nhiều chứng cứ lịch sử quý giá. Hội lịch sử Việt Nam xác nhận: Đây là quê hương, nơi khởi nghiệp của Họ Khúc.

2.3.2. Đình Cúc Bồ những tháng năm

Trải dài suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Cùng với đó là những sự đổi thay của quê hương Cúc Bồ. Đó là sự phát triển của kinh tế, văn hóa – xã hội. Nhưng đền Cúc Bồ vẫn còn đó, cùng tồn tại với đời sống sinh hoạt của nhân dân. Chúng ta cùng nhìn lại những ngày tháng cam go nhất của quê hương. Để từ đó thấy được giá trị lịch sử văn hóa của ngôi đền.

Năm 1949, thực dân Pháp mở rộng chiến tranh về nông thôn. Chúng càn đến Cúc Bồ và đóng quân tại Đình. Những ngày sau đó chúng bắt nhân dân trong làng cùng các làng bên đẵn tre mang về rào xung quanh Đình ra đến tận bờ sông Luộc. Rồi chúng xây đồn ở trên đê. Sau dọn về đồn, địch cho dỡ Đình cùng với quần thể Đền – Miếu – Chùa (cách ngôi đình khoảng 800 mét về phía Tây). Đấu tranh với địch không được, các cụ trong làng định: Bằng mọi cách phải giữ được ngôi miếu thờ. Ngày địch bắt đi tháo gỡ, cả làng đi khuân vác. Do có kế hoạch từ trước nên khi vác gỗ đến đầu làng thì bộ phận vận chuyển ngôi miếu chuyển nhanh vào làng phân tán ở những nơi đã quy định. Còn bộ phận vác gỗ về đồn thì dùng đinh mang đi. Thấy vậy, từ trong đồn địch xả súng bắn. Các cụ trong làng lại phải “khăn áo chinh tề” xuống đồn phân trần” Về đồn chỉ có một đường, người đi đông, phải đi tắt qua làng. Ngay đêm hôm đó lợi dụng tối trời. Cả làng âm thầm lặng lẽ khuân vác toàn bộ ngôi miếu về làng. Ngày tháng tiếp theo, nhân dân tiếp tục vận chuyển gạch ngói. Năm 1951 tình hình tạm yên làng đem dựng lại ngôi miếu ở xóm Trung, không có vôi xây tường, phải dùng bùn xây thay thế. Từ đây ngôi miếu được gọi là “Đình” và là nơi “hậu cứ”. Hòa bình lập lại phong trào hợp tác hóa ra đời. Địa điểm ngôi đình không phải là trung tâm nên vắng vẻ. Địa phương đã dùng làm lớp học. Từ năm 1964 đến năm 1978 nhiều người muốn tháo gỡ mang đi để làm nhà kho, làm hội trường, làm trường học. Các cụ già làng lại đứng ra xin giữ lại được. Thế rồi lại bị kẻ xấu lấy cắp những đồ thờ. Sau vụ mất cây “quán tầy”, nhân dân phải tháo gỡ những đồ thờ có giá trị gửi vào nhà dân. Những vật không chuyển được như: Đình đồng, bát hương đồng,... thì khoan vít bê tông gắn vào sập thờ để giữ. Từ năm 1974 đến năm 1978 ròng rã năm năm trời, kiên trì đi hết nơi này đến nơi khác mới xin chuyển về dựng trên nền đình cũ.

Từ năm 1993, cứ đến ngày 23 – 7 (ngày mất của cụ Khúc Thừa Dụ) ở Cúc Bồ lại tổ chức mít tinh với hy vọng nhen lên ngọn lửa có đốm sáng, để mai ngày sẽ bùng lên. Thoạt đầu làng đứng ra tổ chức, rồi năm sau có cán bộ nhân dân trong xã đến tham dự. Năm 1995, UBND xã Kiến Quốc chính thức thành lập Ban tôn tạo. Năm 1996 kết hợp với đội rời nước Hồng Phong dựng vở kịch

“Đêm Hội Hồng Châu” biểu diễn cho mọi người xem (tiết mục được huy chương Vàng tại hội diễn rối nước không chuyên Hà Nội 1996) đã có cán bộ Nhà hát múa rối Trung ương Hà Nội; Sở Văn hóa Hải Hưng, huyện ủy, UBND huyện Ninh Thanh về dự, được huyện Ninh Thanh đầu tư kinh phí tôn tạo khu di tích và đi tìm người anh em họ Khúc.

Năm 1997, làng đã tự làm hơn 3000 mét đường bê tông. Xây 50m cầu ao, làm bãi đỗ xe, mở rộng sân Đình, xây tường bao, tu sửa đồ tế tự, xây dựng quy ước bảo vệ giữ gìn, cử người trông coi,... Những việc làm của dân làng đối với khu di tích bằng tất cả tấm lòng hồ hởi, tự tin và say sưa.

Chiến tranh đã đi qua, những đồ nát dần dần được hàn gắn. Chúng ta lại có thời gian xây dựng lại “đàng hoàng hơn”, “tò đẹp hơn”. Việc làm của nhân dân Kiên Quốc, của mọi người như đang gạt bỏ những hạt bụi thời gian đã đọng lại để cho mảnh đất có bề dày lịch sử trở về với ý nghĩa đích thực và tỏa sáng lấp lánh...

2.3.3. Di tích đền Cúc Bồ

Đền Cúc Bồ hay còn gọi là đền thờ Khúc Thừa Dụ tại thôn Cúc Bồ - xã Kiên Quốc – huyện Ninh Giang – tỉnh Hải Dương.

Đền được xây dựng cạnh Đình làng tạo thành quần thể Đình – làng – Đền nước. Ngôi đền kiến trúc hình chữ Công gồm 5 gian tiền tế, 3 gian trung từ, 5 gian hậu cung. Hai bên có nhà “Tả vu”, “Hữu vu”, giếng mắt rồng, phù điêu đá, tượng linh thú, hồ sen, cầu đá, tứ trụ, cây xanh bóng mát, bồn hoa, cây cảnh,... Tất cả được xây dựng theo kiến trúc truyền thống với nguyên liệu bền vững đồng – đá – gỗ lim.

Trước cổng đền có 2 câu đối chạm khắc trên tứ trụ uy nghiêm:

1 – *Hưng Nam tráng khí sơn hà tại*

Cự Bắc dư linh miếu vũ trường

Nghĩa:

Hưng vượng cõi Nam tráng khí còn với sông núi

Chống cự phương Bắc dư linh bền vững tại Miếu đường

2 – Công đức bình Nam thiên nguy nguy vĩnh tại

Uy phong oanh Bắc địa, lẫm lẫm trường tồn

Nghĩa:

Công đức sáng trời Nam, nguy nga vĩnh tại

Uy phong lừng đất Bắc, lẫm liệt trường tồn.

Du khách đi qua cầu đá vào sân rộng trước cửa Đền giành cho “Phần hội”. Ở đây, du khách sẽ gặp hồ sen ở giữa sân, xung quanh có hàng lan can trạm khắc bằng đá trắng với những mảnh tranh “Tứ linh” (Long – Ly – Quy – Phượng) oai nghiêm, bề thế,...

Hai bên là hai bức Phù điêu bằng đá giống như chiếc bình phong trước cửa Đền. Bức bên trái dựng lại cảnh “Tụ nghĩa”, rèn luyện quân sĩ đánh Tống Bình và suy tôn Khúc Thừa Dụ lên làm “Tiết Độ Sứ”. Lá cờ Đại có chữ Khúc tung bay trước gió. Bức bên phải là “Khúc hoan ca” mô tả cảnh “Thái bình”, mở mang nghề nông tang, chăn tằm, dệt cửi, học hành, lễ hội, vui chơi,...

Qua y môn nội vào sân của phần “Lễ”, trước tiên thấy hàng chữ “Thiên – Cổ - Tại” ngự giữa nóc nhà “Tiền tế”. Các mái đao của Đền là những con rồng uốn cong, tóc dài hình sóng vắt ngược lên cao rồi uốn chạy xuống phía dưới với vài đợt sóng. Rồng có 2 chạc lớn chạy ra phía sau. Mũi sư tử, miệng rộng, môi và mép là đường gờ tròn, nổi, có hàm răng vuông vức đều, mang ý nghĩa kết hợp âm – dương.

Qua 9 bậc thềm (cửu trùng) vào khu nhà Thượng điện tại đây có 3 ban thờ và 3 bức Hoàn phi mang hàng chữ “Thiên Nam Chính Khí” – “Hồng Châu Anh Kiệt” – “Hùng Phong do tại”. Cùng với một số đồ tế tự: Câu đối, Hạc đồng, Chuông, Khánh, Chiêng trống, Lũ bộ, Bát biểu,...

Khu cung điện có 3 pho tượng đồng ngự trên bệ đồng đặt trên bệ đá vững chắc. Xung quanh bệ đá trạm hoa văn hình chỉ rút.

Đây là 3 pho tượng thờ chuẩn mực góp vào bản sắc nghệ thuật dân tộc. Một tâm linh thời đổi mới mang tư tưởng phương Đông: An dân – Trị nước – Cầu mong hòa bình.

2.3.3.1. Ba pho tượng thờ tại Đền thờ Khúc Thừa Dụ

Lịch sử đã đi qua hơn 1000 năm, nhưng nhân dân không thể quên được người có công “Chấm dứt ách đô hộ ngàn năm của bọn phong kiến phương Bắc, người mở nền Độc lập – Tự chủ cho dân, cho nước thế kỷ X”. Đó là các vị tổ họ Khúc.

Nghệ sỹ Khúc Quốc Ân và nghệ sỹ Lê Liên đã đúc tượng cung kính đặt tại “Đền thờ Khúc Thừa Dụ” ở làng Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương ngày 21 tháng 7 năm Mậu Tý. Ba pho tượng có chất liệu bằng đồng được đúc tại xưởng đúc đồng Tứ Liên – Tây Hồ - Hà Nội.

Từ xưa người Việt hay chuộng và thích số lẻ, Kinh dịch gọi số lẻ là “đương” theo “Hoàng đế nội kinh” thì: Chỉ số trong thiên hạ bắt đầu là “Nhất”, kết thúc là “Cửu”. Vậy số lẻ là số tiêu biểu nhất, kỳ diệu nhất, có sức biến hóa, đáp ứng mọi yêu cầu cần thiết, có khả năng thâm tóm tất cả Thiên – Địa – Nhân. Số 3 là con số “động”, đã “động” thì “chuyển”, đã “chuyển” thì “biến đổi”, đã “biến đổi” có nghĩa là đi lên, là phát triển (Trần Lâm Biền).

Ba pho tượng này nhằm lý giải cho thời kỳ mới “Độc lập – Tự chủ”.

1. Pho tượng: Khúc Thừa Dụ - Khúc Tiên Chúa

Du khách khi tiếp cận đều cảm nhận được đây không phải là “Vua” nhưng dứt khoát không phải là “Quan”. Vì Khúc Thừa Dụ không đội mũ “Bình Thiên” mà đội mũ “Xung Thiên”. Vành mũ “Xung Thiên” có hoa văn hình “Rồng” châu, đây là điều tối thượng, là biểu tượng của người đứng đầu Nhà nước. Những chi tiết khác được tạo dựng nhằm bổ sung cho sức mạnh quyền uy của Khúc Tiên Chúa. Đó là: Con rồng ở tay ngài. Mắt rồng nhìn thẳng, thân uyển chuyển mang hình tượng con rắn mà con rắn mang hình tượng dòng sông uốn lượn...Rồng có năm móng xò ra rồi chụm quắp lại tượng trưng cho năm phương (Đông phương, Nam phương, Tây phương, Bắc phương và Trung phương). Chi tiết khác là “bệ thờ”. Ba mặt bệ: Đông – Tây – Nam, mỗi mặt bệ có 15 bông hoa 8 cánh. Cộng lại thành 45 bông hoa mang hàm “cửu ngũ” thế của Vua, thế của người đứng đầu Nhà nước. Đúng như lịch sử ghi: Ngày 7 tháng 2 năm Bính Dần (năm Thiên Hựu 906) Vua Đường phong cho Khúc Thừa Dụ làm “Tĩnh Hải Tiết độ sứ” và đồng tước “Đồng Bình chương sự”, tước quan cao

nhất có đủ quyền quyết định mọi vấn đề của đất nước (Tức là đại thần cực phẩm cùng ngồi bàn việc quốc quân trọng sự).

Thân thái của tượng thể hiện khá rõ trên khuôn mặt chữ “Vương” đầy đặn, phúc hậu, nho nhã. Trán, thái dương, mày, mắt, mũi, miệng có tỷ lệ cân đối. Tất cả toát lên một truyền thống gia tộc, một phong thái quyền quý, một tư chất thông minh, tài trí, một tấm lòng nhân từ, đức độ, một ý chí quyết đoán.

Thân tượng: Dáng ung dung, tự tại, ngực đầy đặn, chắc, khỏe. Tay trái cầm chuôi kiếm, tay phải chụm lại đặt lên đầu đốc kiếm dùng sức ấn mũi kiếm xuống lưng con “Thủy quái”, chân phải co lên cả bàn chân đè lên lưng con thú, lưng thú lẹ xuống như muốn gãy, hai chân sau giãy đạp yếu ớt, còn cái đầu cổ vươn lên, miệng há ra như kêu cứu, toàn thân run rẩy, giãy giụa, thân phục, hàm ý biểu hiện khát vọng chiến thắng lực lượng siêu nhiên thần bí mà thời điểm ấy chưa có sức chế ngự. Mong cho kinh tế nông nghiệp phát triển, đủ điều kiện nuôi dưỡng sức dân, củng cố, xây dựng Chính quyền tự chủ non trẻ vừa giành được, thể hiện “Đạo nhân sâu nặng”, hay nói gọn là: Khoan – Giản – An – Lạc.

Tượng được cấu trúc chặt chẽ, từ cổ đến vai, đến ly áo đều đúng tỷ lệ, đúng vị trí. Nếp chày của thân áo trước thu vào giữa, tay áo mở rộng che về hai bên, một phần phủ ra tay ngai, ống quần phủ xuống tỏa ra che kín cổ giày chỉ để hở một phần mũi giày, những nếp ly quần thẳng mở rộng tỏa ra. Pho tượng như có sức chuyển động tạo thành thế ung dung, thanh thản, tự tại. Nếu nhìn nghiêng thì thấy pho tượng hơi ngả về phía sau tựa lưng vào ngai vững chắc.

Một pho tượng có chiều sâu về thân thái, văn võ song toàn, dung mạo oai linh, trong văn có võ nhưng bao trùm hơn cả là chất văn: “Tài trí và thông minh – đức trùm thiên hạ”.

2. Pho tượng: Khúc Hạo – Khúc Trung chúa

Thân tượng thấp hơn, vành mũ có con chim đang xòe cánh bay. Đó chính là biểu tượng của mặt trời đang tỏa sáng mang sinh lực xuống trần gian với ước muốn mang lại nền thái bình, dân ấm no, hạnh phúc.

Tay phải cầm “Cuốn thư” đặt trên đầu gối như muốn diễn tả việc trần trở, suy tư. Chi tiết này mang chất văn nhiều hơn. Thực tế lịch sử cho hay: Khúc

Hạo kế thừa sự nghiệp của cha. Ông đã nhận thức: có tạo được cơ sở kinh tế xã hội vững chắc thì mới giữ được nền Độc lập – Tự chủ lâu dài. Vì thế trong đôi ngoại ông vẫn thân phục nhà Lương nhưng lại giao hảo với Nam Hán để rảnh tay củng cố nền tự chủ còn non trẻ. Về đối nội, ông chia nước thành Lộ - Phủ - Châu – Giáp – Xã để nắm quyền. Lo việc trị an, sửa sang phép tắc, mở mang nông tang, sửa đổi tô thuế, xóa bỏ lực dịch...chính sự cốt chuộng Khoan – Dung – Giản dị. Lịch sử đã đánh giá ông là người “Vượt qua ý nghĩ của mọi người”, “Chống chọi với các nước Bắc Triều”, “Là vị vua hiền”. Thần thái tượng khoan dung, khuôn mặt độ lượng mang đức tính truyền thống, đó là nhân ái, vị tha của người khai sáng sự nghiệp, mở ra nền chính thống.

3. Pho tượng: Khúc Thừa Mỹ - Khúc Hậu chúa

Là người thừa hưởng kết quả đã được khẳng định của ông cha. Tượng ngồi trong tư thế quân bình. Hai tay đặt nhẹ lên hai đầu gối, bàn tay khép lại, ngón tay bám vào cung “Đoài” – khoảng giữa “Chi Thân” và “Chi Dậu”. Cung Đoài là phương Tây hành Kim theo quan niệm thông thường về Ngũ hành tương sinh tương khắc thì Kim sinh Thủy...Khúc Thừa Mỹ “ấn quyết” như muốn cầu mong cảnh “Mưa thuận gió hòa”, nông nghiệp phát triển, đất nước thanh bình, biên cương yên ổn. Hai ngai thờ trạm khắc “tản vân”. Áo khoác bay ra vắt chéo phủ gần kín bệ ngai, đẩy pho tượng về phía trước, trong thế ung dung nhàn hạ quý phái, thanh thản.

Các tác giả cố gắng thể hiện thần thái ba pho tượng bằng cả tâm lòng thành kính của mình với các vị Tổ họ Khúc, những người đã có công lớn mở nền Độc lập – Tự chủ, chấm dứt ách đô hộ một ngàn năm của bọn phong kiến phương Bắc. Đặt mỗi bang giao thật sự và có cải cách hành chính quan trọng.

Tóm lại, có thể xem đây như là những bức tượng chuẩn mực góp vào bản sắc nghệ thuật dân tộc, một tâm linh thời đổi mới, tiếp nối dòng chảy muôn đời của lịch sử.

2.3.2. Vị trí của Đền

Năm 1999, có một người dân sau khi vào Đền thắp hương xong đi ra khu vực đầm sen, bị trượt chân ngã xuống đầm, chân dẫm vào vật cứng. Lấy lên đem

về hỏi người cao tuổi trong làng thì được biết đó là đầu viên ngói nóc, có đường kính khoảng hơn 10 cm, đường viền nhỏ, nằm gọn bên trong là chữ đắp nổi “Khúc Vương”.

Ngay sau đó, người dân địa phương tiếp tục tìm thấy các mảnh gốm vỡ có chữ Khúc Miếu, Khúc Điền, Khúc Luân và những mảnh chum, lọ, bát,... cùng những cây gỗ dưới lòng đầm sen.

Khai quật khu vực đầm sen trước cửa Đền diện tích 100m². Kết quả tìm thấy 1 ngôi nhà đã bị phá gồm 26 cây gỗ có đường kính 20 – 22cm. Cột gỗ đẽo “Vũm” thành sọc. Xung quanh có nhiều cây đã bị chặt đổ, cùng với nhiều mảnh gốm, lọ, chum, vại, ngói, gạch bị phá. Trong đó còn chiếc “Tước” 3 chân là nguyên vẹn. Bảo tàng Hải Dương kết luận: Di chỉ này liên quan đến Họ Khúc thế kỷ X, “Cũ” phía sau làng với 42 cây gỗ, trùm lên mộ là một đồng to chừng một sào, đến nền móng của khu vực quanh Đền. Sau chứng cứ lịch sử, qua nhiều lần hội thảo của các cấp đã đi đến kết luận: “Cúc Bồ quê hương – Nơi khởi nghiệp của họ Khúc thế kỷ X”.

Để tưởng nhớ công ơn của người đầu tiên giành lại quyền độc lập tự chủ cho đất nước, nhân dân trong vùng đã xây dựng Đền tại vị trí đã tìm thấy di chỉ của Họ Khúc cùng với đình Cúc Bồ cũ. Và lấy tên đền là đền thờ Khúc Thừa Dụ (hay còn gọi là đền Cúc Bồ). Vì là đền xây dựng nằm trong làng Cúc Bồ và gần với đình Cúc Bồ cũ nên người dân địa phương thường quen gọi là đền Cúc Bồ.

2.3.3. Lễ hội

Hiện nay đền xây dựng xong mới ở giai đoạn 3, vẫn còn giai đoạn cuối đó là quy định về việc tổ chức lễ hội tại đền. Hàng năm dân làng lấy ngày mất của cụ Khúc Thừa Dụ (23/7/907) làm ngày giỗ. Các dòng họ Khúc về dâng tưởng nhớ công ơn của tổ tiên mình. Nhân dân địa phương thì làm các mâm cỗ có đủ: xôi, thịt, oản, chuối, bánh khúc,... dâng lên thắp hương ở đền. Tổ chức cuộc thi làm cỗ giữa các chi, các làng với nhau. Nếu chi nào, làng nào giành giải nhất thì được nhận kỷ niệm chương và năm sau đó được đăng cai tổ chức cuộc thi (khoảng 130 mâm).

Mặc dù chưa tổ chức lễ hội chính thức và quy mô. Nhưng hàng năm vào ngày giỗ của cụ Khúc Thừa Dụ có đông đảo du khách thập phương về thấp hương tưởng nhớ công ơn của người có công với đất nước. Điều đó thể hiện truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc. Nhằm giáo dục cho thế hệ trẻ tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc, ghi nhớ công ơn của những người đã khuất. Ý thức được điều đó, những thế hệ sau cần tiếp tục cố gắng học tập và xây dựng quê hương Cúc Bồ ngày càng phát triển nhưng vẫn giữ được nét văn hóa truyền thống của quê hương. Đồng thời giữ gìn và phát huy những giá trị lịch sử văn hóa của đền thờ Khúc Thừa Dụ. Đưa hình ảnh quê hương Cúc Bồ đến với bạn bè khách quốc tế, biết đến Cúc Bồ là một quê hương giàu truyền thống văn hóa, cùng với sự thân thiện, nhiệt tình của người dân địa phương nơi đây.

2.3.4. Di tích đền Cúc Bồ trong lòng khách thập phương

Ngày 30/6/2003 bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Ủy viên Trung ương Đảng – Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương cùng ban thường vụ đến thăm khu di tích. Bà ghi lại trong “Sổ vàng truyền thống”, “Lần đầu tiên tôi đến thăm làng Cúc Bồ, thấp hương tại Đền làng và tưởng nhớ người anh hùng Khúc Thừa Dụ tôi rất xúc động và vui mừng trước tình cảm, sự trân trọng của nhân dân đối với di tích văn hóa”.

Lời ghi ngắn nhưng hàm chứa một ý nghĩa sâu xa “Thấp hương tại Đền làng” đây là nơi thờ các vị tổ họ Khúc và nơi mà nhân dân Cúc Bồ đã trải qua bao thế hệ nối tiếp bảo vệ giữ gìn để có ngày hôm nay. Tay cầm nén hương cung kính dâng lên mà lòng tưởng nhớ Khúc Thừa Dụ với tình cảm “xúc động” điều đó thể hiện “Cái tâm” của người lãnh đạo. Ngày nay được hưởng trái ngọt thơm nặng lòng nhớ đến người trồng cây cho Đồi hái quả “Nhớ Khúc Thừa Dụ là nhớ về một giai đoạn lịch sử hào hùng thế kỷ thứ 10. Lịch sử nước ta bắt đầu bước vào thời kỳ đau thương lâu dài kể từ sau thất bại của An Dương Vương chống Triệu Đà.” “Sự gọi là thời Bắc thuộc”. Các thế hệ nối tiếp đã không ngừng nổi dậy chiến đấu một mất một còn với kẻ thù. Không ít các bậc hào kiệt đã lập nên những kỳ tích làm rạng rỡ truyền thống ngoan cường của tổ tiên. Hai bà Trưng

đã vung gươm khởi nghĩa. Bà Triệu dũng dạc tuyên bố: “Tôi muốn làm con sóng mạnh đập ngọn sóng dữ chém Cá Kinh ngoài biển Đông, cỡi ách nô lệ cho nhân dân chứ không muốn làm tỳ thiếp cho người ta”. Kế đó là cuộc khởi nghĩa của Mai Thúc Loan, Phùng Hưng, Dương Thanh... thay nhau xông trận, xứng đáng là đại diện xuất sắc cho khí phách anh hùng. Tuy vậy, tất cả thắng lợi đó chưa đủ lật nhào vĩnh viễn ách thống trị của bọn phong kiến phương Bắc. Từ năm 823 – 907 nhà Đường kẻ thống trị Trung Quốc và nước ta thời bấy giờ bước vào giai đoạn suy vong. Lịch sử đòi hỏi phải có người giàu uy tín và năng lực để mở lối thông minh cho con Rồng cháu Tiên bước vào kỷ nguyên mới. Và đáp ứng yêu cầu đó là Khúc Thừa Dụ và con cháu của Ông. “Nhớ Khúc Thừa Dụ” là nhớ về quê hương – nơi sinh thành và sự nghiệp – nơi bà và Ban thường vụ đang vẫn cảnh. Lịch sử 1000 năm, bà đang đi trên con đường xưa lối cũ. Một vùng quê yên ả ẩn giữa màu xanh bất tận của đồng quê thanh bình, có cây đa, con đò, dòng sông, có hàng tre trùm lên âu yếm mái đình cổ kính, xóm thôn. Chắc hẳn bà đã nghĩ đến người xa vắng biết đôi một ngày Vàng nhận lấy mấy hy sinh. Và bà mong muốn “Tiếp tục chăm sóc giữ gìn di tích mãi là nơi đến của du khách thập phương trong và ngoài tỉnh” cách nói của bà ý tứ nhẹ nhàng, biểu hiện lòng ước ao đền đáp người xưa và kết quả đến tháng 01/2004 tỉnh Hải Dương đã phê duyệt dự án tái thiết khu di tích.

Ngày 18/6/2003 trong chuyến đi “Khảo sát lịch sử tại Cúc Bồ và các vùng phụ cận” Phó giáo sư – Tiến sĩ Nguyễn Minh Tường – Viện sử học Việt Nam đã ghi: “Các bậc anh hùng dân tộc Khúc Thừa Dụ, Khúc Hạo, Khúc Thừa Mỹ là những người có công rất lớn đối với lịch sử dân tộc”. Hơn 4000 năm dựng nước và giữ nước thì có hơn 1000 năm Bắc thuộc. Nhưng Tổ quốc Việt Nam tươi đẹp hiện hòa đã vượt lên thử thách nặng nề của quá khứ và tiến lên chinh phục ngày mai ca hát. “Khúc Thừa Dụ có công rất lớn”. Bởi ông biết tận dụng cơ hội ngàn vàng tiến hành cuộc khởi nghĩa giành chính quyền không bằng máu xương. Sau đó con cháu ông đã kiên trì xây dựng kỷ cương với tư tưởng “Khoan – Giãn – An – Lạc”. “Công rất lớn” phải chăng là người có công đặt nền móng xây dựng nền tự chủ cho dân tộc, người có công cải cách hành chính. Tất cả nhằm xây

dựng một nhà nước Độc lập – Tự chủ - Bền vững. Giáo sư còn ước mong : “Phải xây dựng công trình tâm cỡ để tôn vinh Ông và người kế tục”. Điều giáo sư mong muốn cũng là điều mà nhân dân hằng ước ao, rất phù hợp với đường lối của Đảng “Đảm bảo tính công bằng lịch sử”.

Ngày 06/8/2003 đoàn khảo cổ văn hoá do Giáo sư Trần Quốc Vượng đã đến thăm và ghi: “Đoàn khảo cổ vô cùng xúc động được đến thăm Cúc Bồ quê hương họ Khúc, người xây dựng quyền tự chủ cho dân cho nước ta thế kỷ 10. Qua xem xét hiện vật làng ta muộn lắm cũng ở đầu công nguyên cách đây hai mươi thế kỷ. Có những hiện vật đúng ở thế kỷ 10 thời đại họ Khúc. “Ta nên đẩy mạnh công tác khảo cổ”. Giáo sư đã chứng kiến những hiện vật tìm thấy ở trong lòng đất vùi sâu chừng 4 mét dưới đầm sen trước cửa Đền thờ. Đó là những mảnh gốm đầu viên ngói ống hình tròn có đường kính 12cm hoa văn hình chữ nổi: Khúc Vương, Khúc Điền, Khúc Miêu...và những mảnh lọ chum, hơn thế ở đó có cả ngôi nhà mà xung quanh có hàng cây bao bọc như dừa và những cây khác ở tư thế có cây đang thẳng đứng, có cây đã chặt đổ nằm ngổn ngang. Giáo sư muốn “Ta nên đẩy mạnh công tác khảo cổ”. Vì có thể trong lòng đất còn ẩn chứa nhiều hiện vật quý giá mà ta chưa tìm thấy.

Còn đây là lời ghi của Đại tá Khúc Ngọc Thường – hậu duệ họ Khúc quê Hải Phòng. Ông cầm súng lên đường mang theo truyền thống của tổ tiên, khi mái tóc còn xanh...chân đất, đầu trần đã sỏi dài trên đất nước tròn 3 cuộc kháng chiến. Sau ngày toàn thắng, non sông liền một dải. Ông trao mũ, hạ sao trở lại quê hương thì mái đầu đã bạc, vầng trán đã hằn sâu nếp nhăn bởi gian khổ gió sương. Được tin Cúc Bồ quê hương nơi dựng nghiệp của các vị tổ họ Khúc. Ông đã dẫn đại gia đình gồm: ông, bà, con, cháu, chất hành hương về quê thắp hương tưởng nhớ người xưa. Cảm động ông ghi: “Cám ơn nhân dân Cúc Bồ và Ban liên lạc đã đánh thức họ Khúc thức dậy nhớ về cội nguồn mà nhiều đời nhiều năm chưa tìm về đất Tổ”.

Và đây là lời ghi của Giáo sư – Tiến sỹ Khúc Xuyên – Phó chủ tịch kiêm tổng thư ký Hội y học lao động Việt Nam – Người dẫn đầu đoàn đại biểu Ngọc Trì – Gia Lâm – Hà Nội: “Là hậu duệ của Tiên chúa – Chi họ Khúc Ngọc Trì

xin được cảm ơn tới lãnh đạo – nhân dân địa phương đã giữ gìn, tôn tạo nơi tưởng niệm, thờ phụng Tiên chúa”. Chắc ông và dòng họ vui lắm bởi ông được chứng kiến nơi này dù bây giờ Cúc Bồ không còn ai là người họ Khúc song ngôi Đền thờ các vị tổ họ Khúc có từ thuở xa xưa đã được các thế hệ nối tiếp “giữ gìn tôn tạo phụng thờ”. Chỉ vắn vắn có sáu chữ đầy thôi mà hàm chứa cõi lòng sâu nặng, nghĩa tình. Còn nhân dân Cúc Bồ giữ gìn nơi thờ ấy không chỉ bằng công sức, mồ hôi có khi bằng nước mắt và máu: “Nghìn vàng giữ ngọc hôm nay. Cho vui lòng kẻ chân mây cuối trời” (ca dao).

Ngày 28/2/2007, ông Bùi Thanh Quyên – Ủy viên Trung ương Đảng – Bí thư Tỉnh ủy – Chủ tịch HĐND tỉnh Hải Dương ghi: “Khúc Thừa Dụ là người có công đầu... đặt viên gạch đầu tiên xây dựng nền Độc lập... Kiến Quốc là mảnh đất dựng nghiệp. Tuy chỉ có mấy dòng nhưng ông đã nêu được đầy đủ về quê hương hành trạng. Nơi dựng nghiệp của họ Khúc. Với cương vị là người lãnh đạo cao nhất tỉnh Hải Dương, ông có cách nhìn của Đảng là “Đảm bảo tính công bằng lịch sử”, “Công bằng xã hội”. Ông lưu ý mọi người “giữ gìn”, “phát huy” để xứng đáng với họ Khúc.

Ngày 19/9/2009, ông Nguyễn Văn Chiền – Ủy viên ban chấp hành Trung ương Đảng – Chủ nhiệm Văn phòng chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – Nguyên Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương ghi: Đền thờ “Người anh hùng dân tộc – người con của Ninh Giang đã làm rạng rỡ đất nước – mãi mãi lưu lại muôn đời sau”.

Ngày 13/11/2009, Nguyên Chủ tịch nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trần Đức Lương ghi: “Các vị lãnh tụ của dân tộc Việt Nam hồi thế kỷ 10 Khúc Thừa Dụ - Khúc Hạo – Khúc Thừa Mỹ đã có công lao to lớn lãnh đạo cả dân tộc đứng lên giành chính quyền tự chủ, xây dựng đất nước Độc lập... Từ đây dân tộc Việt Nam không ngừng đắp xây nền Độc lập nước nhà đạt đỉnh cao trong thời Đại Việt.

Ngày 14/11/2009, Ủy viên Bộ Chính trị - Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng ghi: “Tôi rất hoan nghênh việc xây dựng Đền thờ Khúc Thừa Dụ - Công trình mang ý nghĩa lịch sử văn hóa ngay trên quê hương ông. Nhằm tôn vinh

công lao của nhân vật lịch sử đã đặt nền móng cho nền độc lập tự chủ của nước nhà đầu thế kỷ 10”.

Chỉ có ít dòng chữ nhưng lại có ý nghĩa sâu sắc thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt. Chủ tịch còn mong: Nơi đây chính là nơi “giáo dục chủ nghĩa yêu nước, tinh thần tự hào cho thế hệ trẻ - giới thiệu lịch sử anh hùng của dân tộc với bạn bè quốc tế”.

Ngày 08/2/2009, bà Nguyễn Thị Ngọc Bích – Bí thư Tỉnh Đoàn Hải Dương ghi: “Xin kính cảm nghiêng mình trước công lao và tư tưởng của các vị vua đầu tiên của đất nước”. Đó là công lao mở nền độc lập tự chủ - chấm dứt ách đô hộ ngoại bang. Đặt mỗi bang giao thật sự - xây dựng Nhà nước với tư tưởng Khoan dung – Giản dị - An cư – Lạc nghiệp và tuổi trẻ Hải Dương xin hứa “Tiếp bước cha anh, mang trí tuệ và nhiệt huyết phụng sự đất nước ngày càng giàu đẹp văn minh”.

Trung tướng Đặng Văn Hiếu – Thứ trưởng Bộ công an. Sau khi vẫn cảnh chiêm bái ngôi đền đã cảm kích và ghi nhận nơi đây có cảnh quan đẹp, uy nghiêm, tĩnh mịch, hào hùng và ông mong rằng: “Đây sẽ là nơi giáo dục truyền thống anh hùng của cha ông trong bảo vệ và xây dựng đất nước. (12/9/2009).

Bà Tạ Thị Minh Lý – Cục trưởng Cục trợ giúp pháp lý bày tỏ: “Lòng tri ân các Đức Vua, sự ngưỡng mộ vô biên trước Đền thiêng. Xin các Đức Vua hiển linh giúp con dân nước Việt giữ yên bờ cõi, được mãi mãi sống trong Độc lập – Tự do – Hòa bình – Hạnh phúc”. Đây chính là nét đẹp của truyền thống Việt Nam.

“Ở đâu đau đón giống nòi
Trông về đất tổ để nuôi chí bền”

Hậu duệ của họ Khúc phải ly tán rời quê hương, đất Tổ sang cư trú tại Vương quốc Bỉ, đã nhiều lần về “Vinh danh” tổ tiên. Lần này ghi: “Tất cả đã thay đổi so với lần trước, nhà thờ đẹp – hoành tráng, đó là biểu tượng vinh quang và tự hào được đứng trong gia đình họ Khúc”. Khúc Gilles Lương (Nguyễn Tiến Bích dịch).

Ngày 08/11/2009, những người làm công tác ngoại giao của Nhà nước ta do ông Hoàng Mạnh Tú – nguyên Chủ nhiệm Câu lạc bộ hưu trí dẫn 75 người về thăm Đền. Rất cảm kích, xúc động ghi: “Rất tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc Việt Nam, được kế tiếp bởi bao vị hào kiệt đã đánh bại bọn xâm lược lớn mạnh gấp nhiều lần. Ngày nay, chúng ta càng tự hào sống trong thời đại Hồ Chí Minh, vị anh hùng dân tộc đã làm rạng rỡ non sông, làm cho hai chữ Việt Nam trở thành biểu tượng sáng chói cho Độc lập – Tự do – Hòa bình”.

Có thể nói, mỗi lời ghi trên đây là một tấm lòng tri ân sâu sắc đối với Khúc Thừa Dụ - người có công gây dựng nên độc lập, tự chủ đầu tiên cho nước nhà. Mỗi lời ghi đều thể hiện niềm ngưỡng mộ cũng như lòng tự hào dân tộc của du khách khi đến tham quan và dâng hương tại Đền.

Dù là người ở gần hay ở xa, ở trong nước hay ở nước ngoài cũng đều về tụ họp tại Đền vào ngày giỗ của cụ Khúc Thừa Dụ. Tất cả về đây đều muốn bày tỏ lòng thành kính đến cụ. Chắc hẳn những người mang dòng họ Khúc sẽ rất tự hào về cụ. Nhân dân Cúc Bồ cũng càng tự hào hơn khi chính nơi đây là quê hương - nơi khởi nghiệp của họ Khúc.

2.4. Đánh giá chung về di tích

2.4.1. Giá trị lịch sử

Cúc Bồ được biết đến là một quê hương có bề dày lịch sử, truyền thống văn hoá lâu đời. Vì vậy mà đền Cúc Bồ cũng mang trong mình những giá trị lịch sử nhất định. Đền được xây dựng cạnh đình Cúc Bồ cổ xưa tạo thành quần thể kiến trúc Đình - làng - Đền nước. Trải qua biến cố, thăng trầm của lịch sử nhưng ngôi đình vẫn giữ được những giá trị lịch sử nhất định. Đền Cúc Bồ được xây dựng là minh chứng cho một thời kỳ độc lập tự chủ đầu tiên của dân tộc dựa trên di chỉ tìm thấy có liên quan đến họ Khúc. Trong đền hiện còn lưu giữ một số hiện vật có giá trị, là nguồn tài liệu nghiên cứu cho ngành sử học và khảo cổ học.

2.4.2. Giá trị kiến trúc

Đền Cúc Bồ có kiến trúc hoà nhập với môi trường thiên nhiên bao quanh, con người đã biết khai thác cảnh quan của cả vùng để tạo nên sự hoà nhập đó.

Đền Cúc Bồ là một công trình kiến trúc nghệ thuật khá hoàn chỉnh, nhiều mảng chạm khắc, các hiện vật, đồ thờ,... là nguồn tài liệu nguyên vẹn cho việc nghiên cứu các loại hình kiến trúc độc đáo này.

2.4.3. Giá trị nhân văn

Nêu cao đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc Việt Nam. Đền Cúc Bồ được xây dựng nhằm hướng tới mục đích giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc. Các thế hệ người Việt Nam mỗi khi về thăm di tích đều tự hào và không quên công ơn của người xưa.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 của khóa luận đã đi sâu vào tìm hiểu thân thế sự nghiệp của Họ Khúc cũng như hiện trạng của di tích đền Cúc Bồ.

Khúc Thừa Dụ được lịch sử ghi nhận là người đặt nền móng đầu tiên cho nền độc lập tự chủ, đánh dấu một bước ngoặt trọng đại trong lịch sử dân tộc. Sau khi ông mất, con cháu của ông kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Có thể nói, sự nghiệp lớn lao của họ Khúc để lại là cơ sở vững chắc cho Dương Đình Nghệ đánh bại Lý Tiến năm 931, cho Ngô Quyền đại thắng Bạch Đằng năm 938, Khẳng định dứt khoát quyền độc lập của dân tộc Việt Nam.

Nêu cao đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, hướng tới mục đích giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần dân tộc. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cùng với nhân dân địa phương đã xây dựng đền thờ Khúc Thừa Dụ (đền Cúc Bồ) tại thôn Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang để các thế hệ người Việt Nam mỗi khi về thăm di tích đều tự hào và không bao giờ quên công ơn của người xưa.

Các vấn đề đưa ra trong chương 2 là cơ sở để dựa vào đó đưa ra các giải pháp bảo tồn khu di tích cũng như phát triển du lịch địa phương trong chương 3 của khóa luận.

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐỊA PHƯƠNG

3.1. Giải pháp huy động vốn để phát triển du lịch

Để du lịch ở đền Cúc Bồ phát triển cần có sự nỗ lực quyết tâm và đóng góp của các cấp các ngành có liên quan và người dân địa phương đặc biệt là vấn đề kinh phí cho công tác:

- Bảo tồn, tu bổ di tích lịch sử văn hóa
- Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch
- Công tác tuyên truyền quảng bá phục vụ du lịch
- Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ du lịch

Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, chính quyền địa phương cần đẩy mạnh các hình thức huy động vốn:

- + Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước
- + Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài nước
- + Đóng góp của người dân địa phương
- + Đóng góp của con em Cúc Bồ đã đi thoát ly
- + Đóng góp của khách thập phương
- + Nguồn vốn vay từ ngân hàng.

Việc huy động vốn và sử dụng hợp lý nguồn vốn đó vào phát triển du lịch là một vấn đề cấp thiết cần có sự quan tâm của chính quyền các cấp cũng như người dân làng Cúc Bồ. Nguồn vốn huy động cần phải sử dụng một cách minh bạch và hiệu quả, tránh lạm dụng hoặc đầu tư tràn lan, gây lãng phí.

3.2. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch

3.2.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Muốn du lịch thực sự phát triển ở di tích đền Cúc Bồ, song song với công tác tuyên truyền, quảng bá, cần đẩy mạnh hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch. Chính vì vậy cần có sự tập trung đầu tư và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật như:

- Cơ sở lưu trú: Cần tăng cường xây dựng thêm các nhà nghỉ, nhà khách và khách sạn mới, đủ tiêu chuẩn kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

- Cơ sở phục vụ ăn uống: Ngoài các cơ sở phục vụ ăn uống sẵn có cần xây dựng thêm các nhà hàng chuyên phục vụ lĩnh vực này, đảm bảo chất lượng vệ sinh, an toàn thực phẩm và có khả năng phục vụ các loại đặc sản quý hiếm của vùng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

- Cửa hàng: Đây là một yếu tố không thể thiếu của các điểm du lịch. Xây dựng cửa hàng là nhằm đáp ứng nhu cầu dịch vụ của du khách khi đi du lịch như: đồ lưu niệm, đồ dùng sinh hoạt, sản phẩm đặc trưng của vùng cũng như các mặt hàng thiết yếu khác.

- Cơ sở vui chơi giải trí: Cần xây dựng một số cơ sở vui chơi giải trí trên địa bàn huyện bởi đây là yếu tố góp phần tăng thêm tính đa dạng cho các loại hình du lịch và giúp kéo dài thời gian lưu lại của khách du lịch, qua đó tăng nguồn thu cho các điểm du lịch cũng như người dân địa phương, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Tuy nhiên để khuyến khích cho hoạt động du lịch thu hút được nhiều khách đến với các di tích lịch sử văn hoá, đến với huyện thì chính quyền địa phương cũng như các cấp các ngành có liên quan cần có các biện pháp cụ thể sau:

+ Cơ chế quản lý chính sách mềm mỏng, ưu tiên cho các doanh nghiệp và nhân dân trong vùng đầu tư kinh doanh du lịch như: ưu tiên thuế hoặc cho vay vốn với lãi suất thấp.

+ Có chính sách ưu đãi về đất đai như cấp mặt bằng cho các doanh nghiệp và nhân địa phương, có thể cho thuê với giá rẻ hoặc trong những năm đầu kinh doanh không lấy tiền thuê.

Điện nước và xây dựng cơ sở dịch vụ du lịch là nhiệm vụ hết sức quan trọng và cấp bách tại những nơi có di tích. Bởi chỉ khi nào cơ sở hạ tầng phát triển, cơ sở dịch vụ hiện đại và đạt chất lượng thì mới thu hút đông đảo khách du lịch đến với các di tích của huyện.

+ Trong khuôn viên di tích:

Xây dựng “Nhà khách” làm nơi đón tiếp khách du lịch đến tham quan. Thông qua hoạt động đón tiếp khách tại nhà khách giới thiệu cho du khách về di tích bằng hình ảnh (qua hệ thống máy chiếu), kết hợp với thuyết minh. Sau đó mới dẫn khách đi thăm quan trực quan, giải đáp những thắc mắc, tiếp thu những nhận xét và đánh giá, góp ý của khách để ngày càng hoàn thiện hơn công tác đón tiếp, phục vụ khách. Tại nhà khách có thể tổ chức các chương trình văn nghệ như: hát chèo sân đình, hát trầu văn, múa rối cạn... để làm tăng thêm không khí vui vẻ, qua đó khách cảm nhận sâu sắc hơn về nét văn hóa bản địa thể hiện qua mỗi lời ca, tiếng hát. Để rồi đọng lại trong lòng họ những ấn tượng khó quên về mảnh đất, con người nơi đây.

Tại sân khấu của nhà khách có thể đặt “hòm công đức” để du khách hảo tâm công đức, góp phần cho việc bảo tồn di tích, bồi dưỡng cho văn nghệ sỹ tham gia biểu diễn.

Xây dựng “nhà trưng bày” : đồ tế khí. Đồ rước dùng trong lễ hội, những trang phục mặc trong lễ hội, hay những phế tích còn lại trong quá trình tu tạo. Để qua đó bảo tồn những nét văn hóa truyền thống trao truyền cho muôn đời sau và giúp cho khách tham quan hiểu sâu hơn về những giá trị văn hóa của di tích. Nhờ đó mà vị thế của di tích cũng được nâng cao, thu hút sự quan tâm của đông đảo du khách gần xa.

- Để hoạt động du lịch được phong phú, sôi nổi cần xây dựng thêm các cửa hàng giới thiệu và trưng bày sản phẩm đặc trưng từ ngành thủ công nghiệp và nông nghiệp, vừa đáp ứng nhu cầu mua sắm của du khách, vừa đem lại nguồn thu nhập cho người dân địa phương.

3.2.2. Cơ sở hạ tầng

Chính quyền địa phương cần quan tâm, đầu tư hơn nữa trong việc cải tạo, nâng cấp các trục đường dẫn vào di tích. Giúp cho việc tham quan của nhân dân, du khách được thuận tiện.

- Có quy định chặt chẽ hơn để ngăn ngừa việc di tích bị xâm lấn của một số người dân địa phương.

- Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống điện chiếu sáng. Đó là hệ thống điện ngoài trời mang mô típ lồng đèn truyền thống. Thiết kế những cột chòm dưới đất để đèn có thể phát sáng xung quanh. Với ánh sáng trong đêm sẽ làm cho di tích thêm tỏa sáng.

- Vấn đề thông tin liên lạc thì hiện nay ở Ninh Giang vẫn chưa thực sự phát triển nhất là tại các khu vực có di tích. Vấn đề này đòi hỏi các cơ quan chức năng cần có giải pháp đầu tư nhiều hơn chủ yếu là các trạm thông tin, điện thoại, điện báo... để khách du lịch có thể trao đổi thông tin một cách tốt nhất. Bởi đó là yêu cầu cần thiết mang tính xác thực trong điều kiện khoa học công nghệ và ngành thông tin liên lạc phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn thế giới.

- Việc quan trọng và bức thiết hàng đầu lúc này của Ninh Giang là tập trung đầu tư đi đôi với quy hoạch tổng thể các điều kiện có thể phát triển du lịch, tiếp đến là đa dạng các loại sản phẩm du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng khách.

3.3. Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực

Con người là yếu tố đặc biệt quan trọng vừa là mục tiêu vừa là động lực của quá trình phát triển. Sẽ là một lãng phí nếu chỉ tập trung vào đầu tư kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật mà bỏ qua yếu tố con người. Do đó việc nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ du lịch cho lực lượng lao động ngành là một trong những chính sách quan trọng nhất đảm bảo cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra nhằm đẩy mạnh hoạt động du lịch trong những năm tới đây.

Các nội dung chính cần tập trung trong chính sách đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch của huyện gồm:

- Đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực:

Việc phát triển trước mắt cũng như lâu dài của du lịch Ninh Giang là phải có một lực lượng cán bộ, nhân viên có nghiệp vụ, được đào tạo sâu về chuyên môn. Nhiệm vụ trước hết là phải rà soát, phân loại trình độ, cơ cấu đào tạo của nguồn nhân lực ngành, nghiệp vụ đối với cán bộ và lao động hiện đang công tác trong ngành du lịch của Tỉnh, Huyện. Bên cạnh đó tranh thủ sự hỗ trợ của Tỉnh, của các địa phương lân cận trong việc hợp tác đào tạo cán bộ. Trước hết cần có

một đội ngũ cán bộ lao động kỹ thuật giỏi, năng động, phù hợp với xu thế của thế giới. Việc làm trước hết và có tính cấp thiết lúc này là: giáo dục, đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức cho những người hoạt động du lịch, đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên - người trực tiếp tiếp xúc và phục vụ khách.

+ Đạo đức nghề nghiệp: Nhân viên theo ngành du lịch phải có đầy đủ nhân sinh quan và những giá trị đạo đức cao quý, biết tôn trọng pháp luật, tính kỷ luật, văn minh lịch sự, cởi mở, thân thiện, lễ độ, trung thực, có trách nhiệm với công việc, có tình yêu quê hương đất nước...

+ Tu dưỡng văn hoá: Phải thường xuyên tìm hiểu và cập nhật những kiến thức cơ bản về văn hoá du lịch và đất nước, có trách nhiệm bảo tồn và phát huy văn hoá dân tộc.

+ Chuyên môn nghiệp vụ: Có kỹ năng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao để có thể đáp ứng yêu cầu của khách du lịch để phục vụ du khách một cách hài lòng nhất.

+ Ý thức nghề nghiệp: Yêu nghề, tôn trọng nghề, nhiệt tình, thân thiện với khách, đồng thờ phải tinh tế để phục vụ khách hàng một cách kịp thời, vừa ý.

+ Trình độ ngoại ngữ: Đây là yếu tố quan trọng để có thể giao tiếp và phục vụ khách quốc tế một cách tốt nhất.

+ Mở các khoá huấn luyện về nghiệp vụ du lịch cho người đang làm việc tại các cụm di tích như bảo vệ, hướng dẫn viên điếm những kiến thức về văn hoá nghệ thuật ứng xử.

- Khuyến khích thu hút nhân tài:

Cần có chính sách thoả đáng để thu hút đội ngũ cán bộ, các nhà quản lý, các nhà kinh tế giỏi khắp mọi miền đất nước về đầu tư tham gia vào xây dựng ngành du lịch. Có chính sách ưu tiên cán bộ là con em địa phương được đào tạo chuyên ngành du lịch về làm tại các địa phương bằng các biện pháp cụ thể như tăng thu nhập cho những người làm du lịch nhất là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ giỏi.

- Đổi mới cơ cấu nguồn nhân lực:

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch trong thời gian tới, cần có những chính sách phù hợp để đổi mới nguồn nhân lực du lịch. Chú trọng đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Thực hiện xã hội hoá du lịch:

Nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên và nhân dân địa phương về du lịch.

Làm tốt được các biện pháp trên về đào tạo nguồn nhân lực thì đây sẽ là một động lực rất lớn thúc đẩy hoạt động du lịch của huyện Ninh Giang ngày một phát triển.

3.4. Tăng cường hoạt động tuyên truyền, quảng bá cho di tích

Hoạt động du lịch có phát triển được hay không phụ thuộc rất nhiều vào công tác quảng cáo, quảng bá cho các điểm du lịch đến với mọi người dân không chỉ trong địa bàn xã, huyện, tỉnh mà rộng hơn là khu vực đồng bằng Bắc Bộ và các vùng phụ cận khác.

Nhận thức được vai trò quan trọng đó nên trong chiến lược phát triển du lịch thời kỳ 2010 - 2015, Tỉnh uỷ cũng như Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh Hải Dương đã phối hợp với phòng văn hoá huyện đưa ra một số giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác quảng bá xúc tiến du lịch với những nội dung cụ thể sau:

- Nâng cao nhận thức của cộng đồng về phát triển du lịch để có thể hiểu được vị trí quan trọng và những lợi ích kinh tế - xã hội to lớn mà ngành du lịch mang lại. Tuyên truyền cho nhân dân, khách du lịch trong nước về tiềm năng du lịch của xã, huyện, những thành quả đạt được cũng như những khó khăn thử thách và hướng đầu tư phát triển.

- Bằng nhiều hình thức tuyên truyền giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân, mọi cấp ngành về phát triển du lịch đi đôi với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn, môi trường sinh thái hiện có và đồng thời làm phong phú thêm nguồn tài nguyên sẵn có này.

- Thiết kế tờ rơi, tập gấp đưa ra một số thông tin chung để giới thiệu về di tích, kết hợp với những tuyến tham quan du lịch ít nhất bằng hai ngôn ngữ.

- Cần gắn bảng tóm tắt về lịch sử ngôi đền, người được thờ để du khách hiểu được phần nào về đối tượng tham quan, những giá trị văn hóa tiêu biểu ẩn chứa trong di tích.

- Sử dụng phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài, internet) phối kết hợp với sở văn hóa, đài phát thanh làm các chương trình giới thiệu về đền Cúc Bô, thu hút sự quan tâm của du khách thập phương.

- Đưa khách du lịch thành kênh quảng cáo hữu hiệu. Bởi những thông tin truyền miệng phản hồi từ phía du khách đã đến di tích là một hình thức quảng cáo rất có hiệu quả. Vì vậy cần gây dựng hình ảnh tốt đẹp về chất lượng hoạt động du lịch tại di tích để tạo thiện cảm trong lòng du khách.

- Quảng bá không chỉ bằng ấn phẩm mà còn thông qua các sản phẩm hàng hóa, quà lưu niệm (bánh gai Ninh Giang, sản phẩm chạm khắc gỗ). Nhờ đó mà khách hiểu biết hơn về con người, nét bản sắc văn hóa nơi đây.

3.5. Nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng địa phương

Để hoạt động du lịch phát triển đạt được những hiệu quả tích cực thì ngoài sự quan tâm của các ban ngành chính quyền địa phương thì cộng đồng dân cư bản địa cũng đóng vai trò quan trọng. Họ góp phần không nhỏ tới sức hấp dẫn của điểm tham quan. Các cấp các ngành chức năng cần phải đề ra các chiến lược xã hội hoá hoạt động du lịch. Tiến hành các hoạt động nhằm nâng cao ý thức của người dân về du lịch. Đây là vấn đề hết sức cần thiết và cấp bách bởi nếu có ý thức tốt, nhận thức đúng thì mọi hoạt động của nhân dân sẽ nhằm mục đích bảo vệ, giữ gìn và phát huy hết các giá trị phục vụ cho hoạt động du lịch phát triển theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm".

Ở khu di tích nhất là khi có lễ hội cần được chấn chỉnh và quản lý chặt chẽ hơn trong mọi hoạt động để hạn chế những tiêu cực giúp người dân có được niềm vui và lòng tin khi tham gia công đức tu bổ di tích cũng như khi dâng hương tại các di tích. Các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương cần vào cuộc sát sao hơn, nhanh chóng hơn và có biện pháp dẹp bỏ những hiện tượng ăn xin, trẻ lang thang ở khu di tích, phối hợp với các đơn vị an ninh và nhân dân phát hiện và xử lý kịp thời việc tổ chức hoạt động cờ bạc, nhắc nhở

việc đặt hòm công đức đúng chỗ ở các điểm tín ngưỡng và hạn chế hiện tượng chèo kéo khách. Tạo môi trường sinh hoạt lành mạnh tại di tích. Nâng cao ý thức của cộng đồng địa phương về du lịch với các hoạt động cụ thể sau:

- Mỗi người dân địa phương phải tự mình là một hướng dẫn viên trung thực, nhiệt tình để không ngừng giới thiệu cho du khách những giá trị của di tích. Chính họ còn trở thành người tuyên truyền, quảng bá và giới thiệu di tích đến với du khách.

- Phải có một phần lợi nhuận thu được từ hoạt động du lịch vào việc xây dựng các công trình công cộng của địa phương để khuyến khích người dân ở đây tham gia nhiều hơn nữa vào việc khai thác di tích phục vụ du lịch.

- Xây dựng ý thức bảo tồn di tích, lễ hội truyền thống, phong tục tập quán tốt của địa phương cũng như của dân tộc. Kết hợp với việc xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá, đưa vào hương ước của làng các vấn đề nề nếp, nếp sống văn minh trong việc giao tiếp với mọi người cũng như với khách du lịch.

- Xây dựng nếp sống lành mạnh không làm huỷ hoại môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, không tự tiện thải rác ra các điểm du lịch và những nơi công cộng.

- Xây dựng các tập tục lành mạnh, ngăn chặn các hiện tượng mê tín dị đoan, bói toán, lệ đốt vàng mã ở các di tích gây ô nhiễm môi trường và phá huỷ di tích.

- Xây dựng nếp sống văn minh, lịch sự, không có tệ nạn xã hội.

Như vậy việc tuyên truyền quảng bá nâng cao ý thức về du lịch đối với cộng đồng dân cư địa phương nơi có di tích lịch sử văn hoá là rất quan trọng. Hiểu được ý nghĩa khai thác các di tích này cho hoạt động du lịch, họ mới có ý thức bảo vệ cảnh quan và tài nguyên du lịch... Đội ngũ cán bộ lãnh đạo địa phương và cán bộ quản lý di tích nên đưa thêm các chương trình về lịch sử, địa lý của địa phương vào trường học để nhấn mạnh hơn tính lịch sử của di tích để phục vụ tốt hơn cho hoạt động du lịch.

3.6. Giải pháp tôn tạo và tu bổ di tích

Kể từ ngày chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh đầu tiên về bảo tồn di sản văn hóa dân tộc (23/11/1945). Nền văn hóa Việt Nam trong đó có sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa đã tạo được những thành tựu đáng tự hào, góp phần tích cực của mình vào trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Đến nay tổ chức làm công tác bảo vệ và phát huy di sản văn hóa đã được hình thành từ trung ương đến địa phương. Di sản lịch sử văn hóa được xác định như một bộ phận cấu thành môi trường sống của con người, di sản lịch sử văn hóa là nguồn tư liệu quý cho những người đương đại nhận thức về xã hội và văn hóa thời quá khứ. Do đó nó trở thành đối tượng nghiên cứu liên ngành của nhiều bộ môn khoa học như: Khảo cổ học, lịch sử, dân tộc học, mỹ thuật...

Hệ thống di tích của tỉnh Hải Dương nói chung và của huyện Ninh Giang nói riêng ngày càng được củng cố và lớn mạnh. Mỗi di tích là một tụ điểm sinh hoạt lành mạnh, bổ ích, bền vững trong cộng đồng dân cư đó là cội rễ để nhân dân hướng về cội nguồn, bảo vệ được bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời là các điểm du lịch hấp dẫn khách tham quan trong và ngoài nước. Thông qua các lễ hội truyền thống đã tập trung, lưu giữ và bảo vệ được những giá trị văn hóa nghệ thuật dân gian truyền thống.

Tuy nhiên việc tu bổ, chống xuống cấp di tích phải tuân theo quy trình sau: nghiên cứu tư liệu và khảo sát hiện trạng, xây dựng dự án và thiết kế kỹ thuật, dự đoán, thẩm định, phê duyệt, thi công dưới sự giám sát của nhà chuyên môn và duy trì nhật ký công trình, cuối cùng là nghiệm thu hoàn chỉnh hồ sơ di tích tu bổ.

Khi tu bổ di tích phải tôn trọng và giữ gìn mọi biện pháp các thành tố nguyên gốc của di tích, hạn chế tối đa mọi sự thay thế bằng các chất liệu và vật liệu mới.

+ Để làm tốt công tác bảo tồn, tôn tạo di tích cần thực hiện hiệu quả các hoạt động sau:

- Tăng cường giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là nhân dân trong khu vực có di tích nhận thức đúng đắn giá trị, ý nghĩa quan trọng về giữ

gìn các giá trị truyền thống dân tộc, các giá trị về cả vật chất và tinh thần của di tích để từ đó nâng cao lòng yêu nước, nâng cao tinh thần tự giác bảo vệ các giá trị của di tích.

- Tăng cường công tác quản lý di tích để bảo vệ và kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của khu di tích. Phải thành lập, xây dựng và củng cố các ban quản lý ở di tích cho phù hợp với tình trạng phát triển du lịch tại di tích đó, để tránh tình trạng di tích bị xuống cấp, bị xâm hại quá mức.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước cần phải quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép kinh doanh buôn bán trong khu di tích. Đồng thời cũng phải khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân đầu tư kinh doanh các loại hình dịch vụ phục vụ cho hoạt động du lịch của di tích.

- Ban hành các chính sách pháp luật bảo vệ các di tích văn hoá. Việc bảo vệ di tích phải gắn liền với lợi ích của cư dân địa phương. Nghiêm cấm các hành vi phá hoại đến cảnh quan môi trường xung quanh khu di tích, đặc biệt là phá hoại trực tiếp đến di tích.

- Nhà nước cần có chính sách đầu tư kinh phí để nghiên cứu, trùng tu, tôn tạo và bảo vệ di tích. Đồng thời kêu gọi sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, tôn tạo di tích.

- Tuyển chọn, đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên đặc biệt là hướng dẫn viên điếm tại di tích theo đúng nghĩa của nó, là người hướng dẫn viên có vốn hiểu biết phong phú về văn hoá, lịch sử và hiểu sâu sắc về di tích lịch sử văn hoá. Họ phải được trang bị kiến thức đầy đủ trong các lĩnh vực mỹ thuật, sân khấu, lịch sử, kiến trúc, phong tục tập quán, tôn giáo... Hướng dẫn viên cần được đào tạo theo hướng chuyên môn hoá để có kiến thức sâu rộng, phục vụ theo các yêu cầu tiêu dùng du lịch của con người với các đặc điểm tâm lý xã hội khác nhau.

- Để công tác bảo tồn, tôn tạo di tích đạt hiệu quả cao nhất thì phải quan tâm trước hết đến vấn đề lựa chọn đào tạo những người trực tiếp làm công tác bảo tồn, tôn tạo. Bởi vì chính họ hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của công việc họ đang làm và có ý thức đầy đủ về chuyên môn thì việc bảo tồn, tôn tạo

mới đạt hiệu quả. Nếu công tác đào tạo cán bộ không được thực hiện tốt thì cho dù có vốn đầu tư thì hiệu quả đầu tư bảo tồn, tôn tạo di tích vẫn không cao.

3.7. Tăng cường sự quan tâm của các cấp các ngành

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch

Trong giai đoạn 2010 - 2015 Du lịch Hải Dương nói chung và du lịch Ninh Giang nói riêng tập trung đầu tư phát triển là bước đột phá mang tính quyết định, tạo đà cho cả quá trình phát triển lâu dài của ngành. Do vậy cần phải tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch để giải quyết các vấn đề đòi hỏi của thực tiễn. Đây là một giải pháp quan trọng trong quá trình phát triển du lịch.

Đối với cơ quan quản lý ngành du lịch cần rà soát, đánh giá một cách khoa học nguồn tài nguyên du lịch, tiến hành điều chỉnh quy hoạch tổng thể cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của huyện Ninh Giang và của toàn ngành du lịch làm cơ sở cho việc lập quy hoạch chi tiết các dự án đầu tư phát triển du lịch đã được phê duyệt một cách có hiệu quả.

Thực hiện tốt chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư, quy chế quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên du lịch và quy chế quản lý các khu di tích đã được đầu tư xây dựng, thẩm định lại các dự án phát triển của ngành.

Tăng cường công tác kiểm sát các hoạt động kinh doanh dịch vụ trên địa bàn huyện, hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế và đầu tư kinh doanh du lịch trên địa bàn huyện. Tổ chức và bồi dưỡng nguồn nhân lực cho toàn ngành, từng bước triển khai thực hiện tiêu chuẩn hoá lực lượng lao động.

Phối hợp chặt chẽ với các cấp các ngành có liên quan trong huyện, trong Tỉnh đầu tư các dự án ở các điểm, khu du lịch và phối hợp với các địa phương nơi có các điểm, khu du lịch nằm trong quy hoạch mà chưa có điều kiện đầu tư khai thác.

Tăng cường quan hệ với du lịch các huyện, các Tỉnh lân cận tạo ra không gian du lịch rộng lớn, thiết lập các tour du lịch liên tỉnh liên huyện để đưa sản phẩm du lịch của Ninh Giang sớm hội nhập với du lịch cả nước.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp các ngành

Để tăng cường công tác chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp các ngành từ trung ương đến địa phương đối với hoạt động du lịch thì Ủy ban nhân dân Tỉnh, huyện cần sớm thành lập ban phát triển du lịch của Tỉnh, huyện để chỉ đạo, điều hành các vấn đề còn tồn tại và phát sinh trong quan hệ phối hợp giữa các ngành liên quan và các địa phương nhằm tạo sức mạnh tổng hợp thúc đẩy du lịch phát triển.

Đối với ngành du lịch cần phải chủ động phối hợp với các ngành và chính quyền địa phương nơi có di tích lịch sử văn hoá trong việc xây dựng, quy hoạch kế hoạch tổ chức triển khai các dự án du lịch và trong quá trình tổ chức, kinh doanh cũng như việc bảo tồn, tôn tạo và tu bổ di tích.

Đối với các ngành có liên quan cần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động du lịch của huyện phát triển, ưu tiên các dự án đầu tư phát triển ngành nhưng có liên quan và tác động tích cực đến việc phát triển du lịch cụ thể như: Phát triển giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, cung cấp điện nước, bảo vệ môi trường...

Đối với các cấp chính quyền địa phương nơi có di tích lịch sử văn hoá cần tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn cho nhân dân địa phương những kiến thức cơ bản về du lịch, kinh doanh du lịch, có ý thức bảo vệ di tích lịch sử văn hoá, bảo vệ tài nguyên môi trường... Cần phối hợp với các cơ quan chức năng giữ gìn tốt trật tự an toàn xã hội, bài trừ các tệ nạn xã hội ở các khu di tích và giữ gìn nét đẹp văn hoá truyền thống bản địa.

3.8. Xây dựng các chương trình du lịch cụ thể

+ Chương trình du lịch nội tỉnh:

- Xây dựng các chương trình du lịch cho chính người dân trong tỉnh tới thăm di tích. Việc làm này vừa giúp người dân hiểu hết các giá trị của di tích, nâng cao giá trị về di tích đồng thời nâng cao sự nhận thức và lòng tự hào quê hương.

- Xây dựng chương trình du lịch 2 ngày 1 đêm với các điểm tham quan như: đền Cúc Bồ, đảo cò Chi Lăng Nam, đền Cao, Côn Sơn - Kiếp Bạc... nghỉ đêm tại thành phố Hải Dương.

- Chương trình du lịch kết hợp trong huyện Ninh Giang: thăm làng nghề bánh gai Ninh Giang, đền Tranh, đình Mai Xá, đền Cúc Bồ, làng mộc Cúc Bồ, chùa Trông... (thời gian 1 hoặc 2 ngày).

+ Chương trình du lịch liên tỉnh:

- Chương trình du lịch Hải Phòng - Hải Dương (1 ngày bằng đường ô tô).

- Chương trình du lịch kết hợp thăm khu di tích đền Cúc Bồ và các làng nghề tại huyện Ninh Giang và các huyện lân cận của thành phố Hải Phòng.

- Chương trình du lịch Hà Nội - Hải Dương - Hải Phòng (2 ngày 1 đêm) kết hợp thăm di tích đền Cúc Bồ với các di tích trọng điểm của thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra có thể xây dựng chương trình du lịch kết hợp với các điểm du lịch nổi tiếng của thành phố Hà Nội và thành phố Hải Phòng.

**** Chương trình du lịch Hải Phòng - Côn Sơn - Kiếp Bạc - Làng gốm Chu Đậu - Đền Quát - Đảo cò Chi Lăng Nam - Chùa Trông - đền Cúc Bồ - đền Tranh - khu di tích đền Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm. (2 ngày 1 đêm, bằng phương tiện ô tô).***

- Ngày 1:

+ Sáng: Quý khách thăm quan quần thể di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc.

+ Ăn trưa tại thành phố Hải Dương

+ Chiều: Đoàn tiếp tục chuyến hành trình tham quan làng gốm Chu Đậu. Sau đó tới tham quan đền Quát và khu du lịch sinh thái Đảo Cò.

+ Ăn tối và nghỉ tại thị tứ Tuy Hoà

- Ngày 2:

+ Sáng: Quý khách tiếp tục chuyến hành trình đến thăm di tích lịch sử quốc gia Chùa Trông tại xã Hưng Long. Sau đó tới thăm đền Cúc Bồ và phường múa rối nước thuộc xã Hồng Phong.

+ Ăn trưa tại thị trấn Ninh Giang

+ Chiều: Quý khách thăm quan di tích đền Tranh, làng nghề bánh gai Ninh Giang. Sau đó tới thăm khu di tích đền Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm. Và trở về Hải Phòng, kết thúc chuyến đi.

Giá bán trọn gói: 1050.000 VND/ Khách (áp dụng cho đoàn 15 khách trở lên).

- Mức giá trên bao gồm:

- + Một xe ô tô đời mới, tiện nghi, đưa đón khách theo lịch trình
- + Nghỉ (2người/ phòng): Khách sạn có đầy đủ tiện nghi
- + Ăn 3 bữa chính: 90.000VND/ bữa + 1 bữa sáng: 30.000 VND/ bữa
- + Vé tham quan
- + Bảo hiểm du lịch
- + Hướng dẫn viên suốt tuyến, chu đáo, nhiệt tình

- Không bao gồm:

- + Chi phí cá nhân
- + Điện thoại, đồ uống, giặt là
- + Giá vé giành cho trẻ em: trẻ từ 12 tuổi mua 1 vé người lớn. Từ 06 - 11 tuổi mua 1/2 giá vé người lớn. 02 người lớn được kèm 1 trẻ em từ 5 tuổi trở xuống. Nếu trẻ em đi kèm nhiều hơn thì từ em thứ 2 trở đi phải mua 1/2 giá vé người lớn. Ăn suất riêng, ngủ cùng bố mẹ.

3.9. Một số kiến nghị khác

3.9.1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương:

** Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch*

Cơ sở hạ tầng nói chung có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình tạo và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác các tiềm năng du lịch nhằm thoả mãn nhu cầu của khách du lịch. Chính vì vai trò quan trọng như vậy nên sự phát triển của ngành du lịch bây giờ cũng gắn liền với việc xây dựng nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Trước hết cần đảm bảo vấn đề ăn nghỉ cho khách du lịch. Vì vậy cần phải bước đầu xây dựng tại nơi đây nhà nghỉ, nhà hàng... là cơ sở để giải quyết vấn đề trên cho khách du lịch.

- Để hoạt động du lịch được phong phú, sôi nổi, cần xây dựng các cửa hàng giới thiệu và kinh doanh các sản phẩm đặc trưng của địa phương từ các

ngành thủ công nghiệp và nông nghiệp, vừa đáp ứng nhu cầu mua sắm của du khách vừa đem lại nguồn thu nhập cho người dân địa phương.

- Đảm bảo vấn đề điện nước, thông tin liên lạc một cách tốt nhất cho khách du lịch.

** Nâng cao hơn nữa nhận thức của người dân*

- Đối với người dân địa phương cần tuyên truyền, quảng bá cho họ nhận thức được ý nghĩa của hoạt động du lịch và nguồn lợi mà du lịch mang lại. Từ đó động viên cộng đồng dân cư địa phương tự nguyện tham gia vào phục vụ cho hoạt động du lịch.

Giải quyết tốt vấn đề phúc lợi cho người dân, từ đó giúp họ có ý thức bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống và xây dựng nếp sống văn hoá địa phương.

- Đối với khách du lịch: Việc nâng cao ý thức bảo tồn giá trị nguồn tài nguyên, di sản văn hoá của dân tộc cho du khách rất cần tới vai trò của người hướng dẫn viên và cán bộ quản lý di tích. Ngoài ra cũng cần có những biển hiệu cảnh báo cho khách du lịch nhằm tăng thêm ý thức bảo tồn nguồn tài sản văn hoá chung. Đó chính là mục tiêu của xu hướng phát triển du lịch bền vững.

** Các kiến nghị khác*

- Cần khai thác tốt tài nguyên du lịch của tỉnh Hải Dương nhất là tài nguyên du lịch nhân văn. Muốn vậy cần phải quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Dương một cách có hiệu quả.

- Trên cơ sở khảo sát chất lượng sản phẩm du lịch cần tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng nhằm phát triển hạ tầng du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch mới lạ, chất lượng cao, tổ chức các sự kiện du lịch, các hội thảo, hội nghị... tăng cường thu hút khách du lịch quốc tế.

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ với đầu tư bảo tồn, tôn tạo và khai thác các giá trị của di tích, di sản văn hoá theo phương châm phát triển du lịch trên nền tảng phát triển văn hoá.

- Thực hiện phân cấp quản lý các nguồn tài nguyên du lịch, trước hết huy động các thành phần kinh tế tích cực tham gia đóng góp công sức, tiền của chủ yếu cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá để có thể khai thác

chúng một cách có hiệu quả phục vụ cho phát triển du lịch, bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch và tổ chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ phục vụ cho phát triển du lịch.

3.9.2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện, chính quyền địa phương và ban quản lý di tích đền Cúc Bồ

- Ban hành quy định về quản lý, khai thác giá trị lịch sử văn hoá của di tích đền Cúc Bồ cho phát triển du lịch.

- Sớm ban hành các chính sách ưu đãi khuyến khích thu hút đầu tư, xây dựng các khu vui chơi, giải trí, xây dựng nhà nghỉ, nhà hàng phục vụ khách du lịch.

- Trong quá trình trùng tu cần phải tôn trọng lịch sử, giữ nguyên những giá trị của nó, tránh làm mới, làm hại đến di tích.

- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân tỉnh khôi phục lại những trò chơi dân gian của lễ hội...

- Liên kết với các địa phương trong địa bàn huyện để phát triển những tour du lịch mới, đặc biệt chú trọng đến phát triển du lịch cộng đồng làng du lịch.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Chương 3 của khoá luận đề cập đến các giải pháp nhằm bảo tồn, tôn tạo di tích đền Cúc Bồ và phát triển du lịch địa phương. Mỗi một giải pháp đưa ra là đều góp phần thúc đẩy hoạt động du lịch của địa phương phát triển. Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động du lịch, chính quyền địa phương cần làm tốt vai trò trách nhiệm của những người lãnh đạo đó là vận động quần chúng nhân dân tham gia vào hoạt động du lịch. Trước tiên đó là hoạt động bảo vệ tôn tạo di tích lịch sử văn hoá đền Cúc Bồ. Nêu cao giá trị truyền thống của quê hương, tạo lập các cơ chế chính sách phù hợp để có thể thu hút đầu tư cho du lịch, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật - hạ tầng phục vụ du lịch, liên kết với các địa phương lân cận cùng phát triển du lịch. Trong đó đặc biệt chú trọng đến phát triển loại hình du lịch cộng đồng - làng du lịch.

KẾT LUẬN

Ngày nay du lịch văn hoá với hình thức tham quan các di tích lịch sử kết hợp lễ hội và thăm các làng nghề truyền thống đang phát triển mạnh. Loại hình này không chỉ có mục đích tham quan các di tích lịch sử văn hoá như đình, chùa, các lễ hội truyền thống các trò chơi dân gian mà còn giúp khách có thêm những kiến thức về lịch sử, văn hoá, kiến trúc, mỹ thuật gắn liền với các giai đoạn phát triển của địa phương nói riêng, đất nước nói chung.

Các di tích lịch sử văn hoá cùng với các phong tục tập quán, lễ hội là các yếu tố bảo lưu các giá trị truyền thống đã được tích bao đời nay của cộng đồng dân cư Việt. Những yếu tố đó phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động trong quá trình khai hoang mở đất đồng thời phản ánh những ước mơ nguyện vọng của con người từ trong khó khăn, vất vả vẫn luôn tin tưởng về cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Loại hình du lịch này sẽ là dịp để các tầng lớp nhân dân ôn lại những truyền thống quý báu của quê hương, từ đó có tác dụng giáo dục nhân dân hướng về cội nguồn, bồi đắp và phát huy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, góp phần quan trọng vào việc bảo tồn các di tích lịch sử, các giá trị truyền thống của dân tộc.

Đền Cúc Bồ thuộc thôn Cúc Bồ, xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương là một ngôi đền cổ có bề dày lịch sử và truyền thống văn hoá tiêu biểu cho quê hương xứ Đông. Trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử đền Cúc Bồ vẫn giữ nguyên những giá trị lịch sử, văn hoá, kiến trúc, mỹ thuật của nó. Những yếu tố đó không chỉ có giá trị về lịch sử mà còn là nguồn tài nguyên vô giá để phát triển du lịch ở huyện Ninh Giang nói riêng và Tỉnh Hải Dương nói chung.

Hiện nay mặc dù du lịch chưa thực sự phát triển nhưng đây là một điểm du lịch có tiềm năng. Để khai thác tốt các tiềm năng du lịch này cần phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền và nhân dân địa phương. Trong chiến dịch phát triển du lịch cần đặc biệt quan tâm đến biện pháp tu bổ, bảo tồn và bảo vệ di tích. Cùng với nó là biện pháp đồng bộ để phát triển du lịch, góp phần

quan trọng vào sự phát triển kinh tế của Hải Dương, theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhưng không đánh mất bản sắc văn hoá quê hương.

Với đề tài "Tìm hiểu di tích đền Cúc Bồ huyện Ninh Giang - Hải Dương. Hiện trạng và giải pháp". Tác giả đã đáp ứng được mục tiêu đề ra về mặt lý luận và thực tiễn:

1. Một số vấn đề lý luận liên quan đến di tích và di tích thờ nhân vật lịch sử.
2. Tìm hiểu hiện trạng khai thác du lịch tại đền Cúc Bồ.
3. Một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển du lịch địa phương.

Tuy nhiên trong khuôn khổ của khoá luận, do những hạn chế về trình độ, thời gian, nguồn tài liệu cũng như kinh nghiệm thực tế của tác giả trong lĩnh vực nghiên cứu, nên chắc chắn khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót. Hy vọng tác giả sẽ nhận được nhiều ý kiến đóng góp, phê bình của các thầy cô trong hội đồng chấm khoá luận để đề tài được hoàn thiện hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Minh Tuệ và nhóm tác giả - *Địa lý du lịch* - NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.
2. Thạc sỹ Bùi Thị Hải Yến - *Tuyến điểm du lịch* – NXB giáo dục, 2009.
3. Bùi Quang Triệu - *Đền thờ Khúc Thừa Dụ* - NXB Thông tin, 2010.
4. Nguyễn Thị Doan, Vũ Thị Thanh Hương - *Khai thác giá trị văn hoá của đình Hàng Kênh - Hải Phòng phục vụ cho phát triển du lịch*, 2009. (Khoá luận tốt nghiệp hệ đại học).
5. Bùi Thị Trinh, Lê Thanh Tùng - *Khai thác các di tích lịch sử văn hoá Vương triều Mạc tại Hải Phòng phục vụ hoạt động du lịch*, 2011. (Khoá luận tốt nghiệp hệ đại học).
6. Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Văn Bính - *Tìm hiểu các di tích lịch sử văn hoá nhằm phát triển du lịch văn hoá ở huyện Duy Tiên - Hà Nam trong giai đoạn hiện nay*, 2009. (Khoá luận tốt nghiệp hệ đại học).
7. Các trang web hỗ trợ tìm kiếm
www.google.com
Lihpu.edu.vn
Dulichhaiduong.vn

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

VĂN TẾ ANH HÙNG DÂN TỘC KHÚC THỪA DỰ

Đẹp thay!

Mây thăm Ninh Giang

Nắng hanh Kiên Quốc

Gió mùa thu man mác Cúc Bồ

Tiết tháng bảy heo may sông Luộc

Thấp hương trầm cung kính người xưa

Dâng lễ vật tri ân đời trước.

Nhớ linh xưa:

Khoan hoà nức tiếng Hồng Châu

Hào hiệp lừng danh Đất Cúc

Tuổi thiếu niên - trí tuệ thông minh

Thời trai tráng - quyền năng mưu lược

Gặp kẻ sa cơ, cấp giúp tận tình

Nhìn lũ bạo tàn, ghét căm tột bực

Hào trưởng nhiều đời, đáng vẻ danh gia

Thế lực khắp vùng, xứng trang cự tộc

Kính bậc hiền nhân, môn khách hội tụ đàm luận văn chương

Phục đấng anh hào, tráng sĩ tìm về luyện rèn giáo mác.

Đức cao vọng trọng, ân uy toả khắp đông đoài

Nghĩa cả chí bền, dũng khí sáng trùm nam bắc!

Gặp khi:

Đường Tuyên Đế mặt vận rối ren

Độc Cô Tôn hoang mang khiếp nhược

Uất ức nghìn năm, sóng trào lên quét lũ giặc ngoại bang

Hiệp lực ba quân, lửa bùng cháy đốt tay sai trong nước

Phất cờ Nghĩa - chiếm giữ La Thành

Vung Kiếm Báu - quyết giành Độc lập

Tiết Độ Sứ, tự xưng làm chủ giang sơn

Khúc Tiên Chúa, đời phong, tự tôn dân tộc
Cha, nội trị: coi khoan - giản - an - lạc làm đầu
Con, ngoại giao: lấy nhu - trí - thắng - cương là gốc
Củng cố chính quyền:
đặt phủ, lộ, châu, giáp, xã...
cốt giản dị khoan dung

Cải cách điền tô:
định thuế, khoá, hộ, binh, lương...
Mưa dầm thấm lâu
Lạt mềm buộc chặt!

Bởi thế:
Con côi thoát cảnh lâm than
Mẹ goá bớt đời khó nhọc
Trong thành ngoài nội, véo von tiếng hát du dương
Cuối biển đầu nguồn, lấp loá ánh trăng dào dạt
Nhà nhà cày cấy no lành
Chôn chôn tâm tang yên lạc
Xã tắc thanh bình
Non sông gấm vóc!

Cũng là nhờ:
Khúc Tiên Chúa - giang đôi tay mở nền tự chủ nước Nam
Khúc Thừa Gia - truyền ba đời. xoá ách ngoại xâm phương Bắc.
Dẫu chẳng đế vương, Cha giữ quyền thống nhất giang sơn
Tuy không thiên tử, Con thực sự trị vì đất nước!
Anh hào kiệt, kinh bang tế thế, lưu tiếng núi sông
Em liệt nữ, mẫu nghi thiên hạ, thơm danh trời đất!
Nghìn năm sử sách lung linh
Vạn cổ trăng sao vàng vặc!
Cho nên:
Lịch sử mãi mãi khắc ghi

Dân gian đời đời ngưỡng mộ
Cúc Bồ xây dựng đền thiêng
Địa phương thay toà miếu cũ.
Trải bốn mùa thu, xiết bao mưa nắng nhọc nhằn
Tròn năm mươi tháng, kể chi đêm ngày gian khổ!
Đền sừng sững, thế hậu núi, tiền sông
Dáng uy nghi, sức móng rồng, vuốt hổ
Phù điêu soi nước nhị hồ
Mái đao cuộn mây tứ trụ
Bạc đá xanh, biểu tượng đế vương
Bệ hoa văn, nội hàm cửu ngũ!
Hôm nay
Kỷ Sửu, mùa thu mây sáng dịu trời
Tháng bảy, hăm ba khí lạnh mát gió
Cát nhật lương thân
Hoa bay nắng mở
Ngày khánh hạ đền thờ Tĩnh Hải Đại Vương
Phút chiêm bái anh linh Đồng Bình Chương Sự.
Đất Ninh Giang thêm náo nức tung bừng
Trời Kiến Quốc càng huy hoàng rực rỡ
Dân con nước Việt, từ thôn xã, thị thành
Đại biểu Trung ương, đến địa phương, xứ sở
Tịnh tâm châm cừ, cung hương,
Thành ý dâng văn, tấu sớ:
Một tiếng chuông, xin gửi tới người xưa
Ba hồi trống, thỉnh vọng vào thiên cổ!
Vậy dám xin:
Đấng linh thiêng vô biên lượng bề thấu soi
Khúc Tiên Chúa hữu tình rộng lòng che chở:
mưa nắng thuận hoà

Đề xóm vắng bản sâu, bốn mùa ruộng vườn màu mỡ.
Nghìn năm trước, tổ tiên khổ công khai móng, mở nền
Muôn đời sau, con cháu bề tâm dựng thành, xây trụ
Cùng năm châu hội nhập - giao lưu
Với bốn bể tranh tài - thi thố
Nguyện giữ gìn truyền thống ông cha
Hăng on nhớ công lao tiên tổ.
Xứ Đông phong vật chung linh
Đất Việt giang sơn cẩm tú
Cương trực trước sau bền vững trường tồn
Văn hiến bắc nam tinh hoa bất hủ!
Cúi xin Đấng linh thiêng chứng giám lòng thành
Nguyện cầu Khúc Tiên chúa hiển linh phù hộ.
Thượng tướng

Hải Dương, Kỷ Sửu, Mạnh thu,

KHÚC HÀ LINH

phụng thảo

Phụ lục 2

CHUYỆN RÙA XUẤT HIỆN TẠI BUỔI LỄ AN VỊ TƯỢNG KHÚC THỪA DỤ - KHÚC HẠO - KHÚC THỪA MỸ TẠI CÚC BÒ NGÀY 21 THÁNG 7 MẬU TÝ (2008)

Ông Bùi Văn Nam người mang rùa lạ đến Đền thờ Khúc Thừa Dụ cung tiên kể:

Buổi trưa ấy, nhân đi thăm vùng đặng tại "Cống Nhạng" trước cửa Đền thờ (đoạn sông Luộc nối sông Hồng với sông Thái Bình). Tôi thấy có vật bơi xung quanh túi đặng, giống con ba ba. Tôi lội xuống chặn đặng lại rồi về mang vớt bắt. Khi vớt lên nhìn kỹ thì không phải là ba ba mà là một con rùa, nên ông mang rùa về Đền.

Đêm ấy, khi hành lễ, rùa được thả trong chiếc thau to, dưới làn nước trong veo. Trong tiếng thanh la, chiêng trống âm vang, rùa vẫn bơi lội bình thường. Thấy lạ, nhiều máy quay phim, máy ảnh không rời ống kính. Nhìn tấm ảnh phóng to 50x75 thấy rùa có điều rất lạ khác với rùa thường ngày: toàn thân màu vàng, tai đỏ, sống lưng có màu xanh sẫm, xen lẫn sọc vàng mờ. Trên mai, ngăn cách bởi đường viền và sống lưng, nằm gọn trong khuôn vảy thứ nhất hiện lên chân dung một người: gồm khuôn mặt, cổ áo, ngực, đầu đội mũ vành rộng, trên đỉnh mũ ở trán là phần "Loá sáng". Khuôn mặt đầy đặn, vùng trán cao, phía dưới là đôi mắt, mũi, miệng và gò má. Dưới khuôn mặt phần kề với đốt sống lưng là cổ áo đóng kín, có đường viền rồi xoè ra hai bờ vai phủ xuống phần ngực, giống như chiếc áo màu vàng mờ, xanh mờ.

Vảy thứ hai kề bên là hình ảnh người phụ nữ, đứng nghiêng, khuôn mặt bầu, mái tóc búi ngược phía sau, khoác trên người một chiếc áo dài, rộng. Trên áo có 2 sọc vàng song song từ cổ xuống phủ đến chân để lộ bàn chân giống đôi hài mũi vuông.

Chân dung trên mai Rùa giống pho tượng Khúc Tiên Chúa đang thờ trong cung điện. Tiên Chúa đầu đội mũ "Xung Thiên". Trên đỉnh mũ có đôi rồng châu (Lưỡng long châu nguyệt". Phần này trên ảnh "loá sáng". Khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu, cổ áo, ngực, bờ vai rất cân đối.

Đằng xa kia là chân dung người phụ nữ đang đứng. Đây có thể là chân dung của Công chúa Khúc Thị Ngọc - em Trung chúa Khúc Hạo. Người có công giúp cha anh xây dựng và mở mang đất nước. Khi bà "hoá" được nhân dân kính yêu, tôn là "Thánh Mẫu Quỳnh Hoa". Theo nhà nghiên cứu Hoàng Tuấn Phổ: Bà là con của Khúc Tĩnh Quân và Quỳnh cung Công chúa ở Thượng Giới được đầu thai xuống trần gian làm con gái cụ Khúc Thừa Dụ để "Khuyến thiện, trừ ác".

Phụ lục 3

CÂY TRÚC HOÁ LONG Ở ĐỀN CÚC BỒ

Làng Cúc Bồ có nghề làm đình nổi tiếng từ thời hậu Lê. Ở đây người thợ làm đình biết cả nghề trạm khắc gỗ. Những tác phẩm trạm khắc nằm trong cấu trúc các "Vi" của ngôi đền. Cũng có những bức trạm khắc riêng biệt như: Cửa võng, vành mai, nhang án, y, ngai, bát biểu... Hoa tiết thường gặp là: Long cuốn thuỷ, Trúc hoá long, Ngũ điều quần mai... Cây "Trúc hoá long" của cụ Bùi Văn Nhuệ trạm khắc hiện còn ở đền Cúc Bồ là một tác phẩm quý.

Tác phẩm dự đầu xảo năm 1938 tại Hà Nội. Sau khi dự thi, thực dân Pháp lấy đi mất một cây. Năm 1940, cụ Đoàn Văn Phương - học trò của cụ Nhuệ, trạm khắc tiếp cây thứ hai cho trọn bộ. Năm 1978, cây thứ hai bị kẻ gian lấy cắp. Năm 1992, cụ Nguyễn Văn Xưởng trạm khắc tiếp cây thứ ba. Cây này đã dự triển lãm năm 1995 tại nhà triển lãm Hải Dương. Tác phẩm của cụ Bùi Văn Nhuệ với đề tài "Trúc hoá long" có chiều cao 1,10m, chiều rộng là 0,30m, chiều sâu 0,18m được bố cục thành hai phần "Âm - Dương". Thân mộc theo phương thẳng đứng có năm tầng. Nhìn chính diện thấy hai bên tả hữu đối xứng, song bên tả giống đốt nhỏ hơn. Thuật ngữ trạm khắc gọi là "Thư hùng" (nghĩa là anh em), gốc cây nghiêng về bên trái. Đầu rồng hoá thành "cây trúc cộc". Các bộ phận "mắt, mũi, râu, vây, vẩy..." đã hoá thành những cành lá, rễ cây chênh bong, gồ ghề góc cạnh mang dáng tự nhiên, bề thế, sinh động. Đằng sau là những cây măng cao thấp đứng liền nhau thành khóm. Cây trúc cộc có dáng sần sùi, đốt ngắn cứng cáp, bên cạnh lũ cháu con với những thế hệ khác nhau quây quần hàm ý sâu sắc tình "phụ tử" và "tre già măng mọc" bao dung. Những vây, vẩy

hoá thành chùm lá "tê thân" che chở cho cây, bảo vệ cây khỏi đơn điệu, bộc lộ nét đẹp cổ truyền "Dưỡng tử phòng lão".

Tầng hai: Cây tự nhiên uốn cong, giống ngắn, đốt to, sù sì có chỗ chùn lại rồi đột nhiên phát triển. Cây vẫn đủ cành lá, có cành nhỏ cuộn lại xoáy theo hình tròn ốc. Những chiếc lá "Nghinh phong" xuất hiện rất thật với tự nhiên. Tính cách của người quân tử: dẻo dai, vững chắc, can đảm cũng kín đáo bộc lộ.

Tầng ba: Cành lá chụm lại thành chiếc giá đỡ cong xuống để đỡ chậu nước cho người xướng tề "tẩy trần", lá dài hơn, nhiều hơn, mềm mại, thân nhỏ nhưng chắc như muốn cùng nhau "chung lưng đấu cật" gánh vác.

Tầng bốn: Một nhánh cây vươn ra, một con phượng đậu trên, miệng ngậm dải dây có chiếc khăn điều, dáng hiền từ, tư thế thoải mái bao hàm ý nghĩa "hiển dăng".

Tầng năm: Vượt lên trên cùng là ngọn trúc đang đà phát triển, tư thế vươn cao, ngọn hơi rủ xuống quay về phía gốc. Đó là cành "Hồi đầu" hướng về "gốc rễ cội nguồn", chùm lá "nghinh phong" quay nhiều phía như muốn chống chọi với phong sương. Liên kết giữa hai bộ phận "Âm - Dương" là khối "Thạch tảng" và thân cây rất hợp lý. Gốc cây vừa phải mọc từ khối "Thạch tảng" vững chắc. Đầu rồng hơi cao, nghiêng cách mặt đất 35cm trông ngộ nghĩnh, thân mềm mại, uyển chuyển uốn trong không trung. Hai con chuột từ trong hang chui ra. Con đi trước đầu ngẩng cao thân hơi uốn có lẽ đã qua phút ngỡ ngàng. Con sau đầu vênh vênh nghiêng ngó, một nửa còn lại ở trong hang đáng sợ sệt... tạo cho cảnh đẹp tự nhiên, sống động.

Bằng óc tưởng tượng phong phú kết hợp với bàn tay tài ba khéo léo, cụ Bùi Văn Huệ đã tạo dựng bức trạm "Trúc hoá long" rất tuyệt. Người xem thấy thoả mãn, bởi bố cục cân đối, hợp lý, nét trạm sinh động, tự nhiên. Tác giả khéo léo dùng cái bên ngoài để bộc bạch cái bên trong sâu sắc. Lấy cái cụ thể gợi cái trừu tượng, lấy cái thật gợi cái ảo... Tất cả đã thể hiện bản chất của con người Việt Nam bao dung, độ lượng, lòng nhân ái, ngay thẳng, thuỷ chung, can đảm, dẻo dai, vững chắc.

Bùi Quang Triệu

Phụ lục 4

SỰ TÍCH BÁNH KHÚC

Một năm trời đại hạn, mấy tháng không mưa, sông ngòi cạn kiệt, cây cỏ héo khô, trâu bò không có gì ăn, gầy trơ xương. Con người phải vặt lá cây ăn trừ bữa.

Trong làng Cúc Thị có một người goá phụ, nuôi hai con nhỏ, đói quá phải đi mót khoai mậ về nấu cháo ăn vẫn chẳng đủ no. Mậ khoai hết, đành hái rau tập tàng luộc, đến bữa ba mẹ con ăn cầm hơi...

Một lần người mẹ nhìn thấy trong bát rau có lẫn loài rau lạ, mới giật mình kinh hãi, cũng vì quá vội vàng nên lúc rửa rau không nhận ra. Thị sợ lắm, chắc mâm lần này ăn phải rau độc sẽ chết cả nhà.

Nhưng chờ mãi chẳng thấy sao cả. Thực ra thứ rau ấy ăn mát, có mùi hăng hắc thơm thơm. Lá ánh bạc, mọc nhiều ở chân ruộng mạ nhà hào trưởng.

Chỉ ít sau trời làm mưa, sông ngòi đầy nước, cây cỏ hồi sinh, tôm cá nhiều, rau đậu lại xanh tốt. Gia đình người goá phụ thoát chết.

Biết tin ấy, hào trưởng Khúc Thừa Dụ cho người gọi mẹ con bà goá đến cho làm đầy tớ, giúp việc cấy cày.

Một hôm Khúc bà ra cổng chơi, chờ Khúc ông đi Nam Sơn hạ trở về, bỗng nhìn thấy người đàn bà nọ đội trên đầu một rổ sẽ toàn cỏ dại. Bà hỏi:

- Nhà chị mang cái gì thế kia?
- Bẩm bà, đây là rau dại con nhặt ở ngoài đồng...
- Nhặt làm gì, cho chậ nhà à?
- Dạ không, để ăn ạ. Rau này ăn được. Chúang con đã ăn, mát lành lắm.

Thưa bà không có nó, ba mẹ con nhà con chết đói từ năm ngoái rồi.

Nghe chuyện lạ, Khúc bà bảo:

- Thật vậy à, đưa ta xem !?

Khúc bà ngờ ngợ nhận ra loại cỏ này mọc ở bờ ruộng mạ. Nó sinh sản trong mùa đông, phát triển nhờ hút sương lạnh, mặt lá có màu ánh bạc. Giống rau này tựa tựa như cây ngải, chắc thuộc họ nhà ngải cứu, công dụng cho con người.

Vốn là người xuất thân dòng dõi danh gia, lại về làm dâu nhà hào trưởng thế lực, nổi tiếng khoan dung giản dị, Khúc bà có tài nữ công gia chánh. Bà này ra suy nghĩ...

Sáng hôm đấy Khúc Thừa Dụ dậy muộn, sang bàn ăn, thấy đĩa bánh lạ, còn bốc hơi nóng hổi, ông hỏi người hầu:

- Đây là cái gì?

- Bẩm ông, bánh bà mới làm ạ. Bà dặn khi nào ông dậy, mang lên để ông thưởng thức.

- Thế bà đi đâu?

- Thưa, bà đi lễ với các cụ trong làng...

Khúc ông ngắm nghía tấm bánh rồi nếm thử. Mùi thơm của bột nếp, mùi ngây của mỡ lợn, vị béo ngọt của đậu xanh tạo nên một hương vị dân dã mà đài các, quả là ông chưa từng một lần được ăn.

Chiều, Khúc bà trở về, ông hỏi ngay:

- Bà cho ta ăn bánh gì mà ngon thế?

- Ông có biết không, bánh làm từ cây cỏ dại ngoài đồng. Rồi bà kể lại đầu đuôi câu chuyện. Bà giã gạo tẻ làm bột, gạo nếp đồ xôi. Hạt đậu xanh làm nhân, có mỡ hành phi lên thơm lừng. Rau dại luộc giã nhỏ, rắc đều bột gạo, dùng nước rau luộc rưới vào luyện và nhuyển vo tròn, lại dàn mỏng như lá sen nhỏ. Bánh cho vào chảo, một lượt bánh, một lượt gạo nếp, rồi đồ chín.

Tấm bánh ban đầu chỉ làm thức ăn trong nhà, sau truyền ra bên ngoài.

Ngày đầu chẳng biết gọi là gì, người làm kẻ ăn người ở cứ quen gọi là bánh nhà họ Khúc, bánh Khúc bà nghĩ ra. Rồi chẳng biết từ bao giờ gọi gọn hơn là bánh Khúc.

Từ đó điền trang nhà họ Khúc đều có bánh để đón hội xuân. Người đất Hồng Châu bảo nhau làm bánh, họ ăn không hết thì bán. Bán ngoài chợ, bán ra hàng xứ. Đến nay thành một đặc sản.

Tương truyền khi Khúc Thừa Dụ khởi nghĩa, đánh chiếm Đại La (nay là Hà Nội) bánh Khúc thành lương thực thiết yếu. Mỗi nghĩa binh đều mang theo bánh để ăn liên tục hành quân. Khi làm Tiết Độ Sứ, cai trị cả nước Nam, Khúc

ông vẫn còn thói quen ăn bánh khúc. Sau này ở Hà thành, một vài phố Hàng Ngang, Hàng Cót, Hàng Chiếu vẫn thấy người bán hàng rong với món bánh khúc mỗi đêm đêm...

Người kể: **Hàn Giang**

Phụ lục 5

ĐÈN THỜ HỌ KHÚC

Tĩnh mịch uy nghiêm toả ánh hồng
Đền thờ Tiên Chúa mới xây xong
Núi sau sông trước hồn thiêng tụ
Tả hữu Phù điêu: quá khứ hùng
Quý khách thông dong tìm lại cội
Thi nhân nhàn hạ ngắm trăng trong
Tri ân Tiên liệt ơn đền đáp
Rạng rỡ muôn đời: Đất tổ tông

Bùi Quang Triệu

Phụ lục 6: Hình ảnh



Toàn cảnh đền Cúc Bồ



Sân hội



Nhà thờ chính



Bát khí



Hoành phi và câu đối



Kiến trúc đền



Nhà hữu vu



Nhà tả vu



Tượng Khúc Tiên Chúa



Tượng Khúc Trung Chúa



Tượng Khúc Hậu Chúa